



TÀI LIỆU ÔN TẬP

LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Soạn bởi:
Nguyễn Thị Kim Oanh
Nguyễn Vũ Thanh Tâm

THÁNG 9/2022

LỜI MỞ ĐẦU

Xin chào các bạn, chúng mình là Oanh và Trang, sinh viên K65 trường ĐHKHXH&NV. Bởi vì trong quá trình học, ôn thi môn lịch sử văn minh thế giới chúng mình cũng có gặp khó khăn khá là nhiều trong việc tìm kiếm, tập hợp đủ và sử dụng tài liệu, giáo trình phù hợp, bởi số lượng giáo trình rất là nhiều mà cách trình bày khá rườm rà cũng như chưa đủ để chúng mình học tập và ôn thi cuối kỳ. Vậy nên chúng mình đã quyết định tra tìm, tham khảo và cùng soạn ra bộ tài liệu này. Ban đầu khi chưa tự soạn giáo trình, bản thân chúng mình ôn tập chuẩn bị cho kỳ thi khá là vất vả vì số lượng kiến thức quá lớn và ở nhiều tài liệu, kết quả là chúng mình thường hay chọn học tủ hơn là học hết. Và trong kỳ thi, câu hỏi 6 điểm lại rơi vào bài duy nhất mà chúng mình loại bỏ không học, kết quả là phải học lại và thi lại lần nữa vào kỳ hè. Và bản thân mình – Oanh đã kéo điểm từ D+ lên A+ chỉ vì soạn trước và đọc bộ tài liệu này, còn Trang – người phải học lại đến lần thứ 3 cũng đã vượt qua được “nỗi sợ hãi” của tuổi trẻ với điểm B. Chúng mình kể ra thành tích không hẳn là khoe khoang mà là chứng minh chúng mình đã làm được, và các bạn cũng sẽ làm được giống chúng mình, chỉ cần các bạn để ý và chủ động học tập một chút.

Về bộ tài liệu, có thể nói bộ tài liệu này khá là đầy đủ và trình bày ngắn gọn nhất hầu hết tất cả các vấn đề trong môn học phần lịch sử văn minh thế giới, cả về nội dung cơ bản lẫn một số câu hỏi nâng cao, phù hợp để các bạn có thể sử dụng trong quá trình học tập và ôn thi. Đặc biệt các bạn có thể sử dụng bộ tài liệu để trả lời một số câu hỏi nâng cao mà các thầy cô giảng viên đưa ra trong giờ học để kiểm điểm chuyên cần hoặc lên Ideas cho bài thuyết trình giữa kỳ. Tuy nhiên các bạn cũng không nên quá tập trung vào bộ tài liệu của chúng mình quá trong quá trình học, nhất là phần thuyết trình giữa kỳ, bởi vì tài liệu chúng mình soạn là ngắn gọn cô đọng những vấn đề trọng tâm là chính, nên sẽ có một số phần nội dung học chúng mình sẽ không đưa vào tránh làm rối. Các bạn nên kết hợp giáo trình gốc và bộ tài liệu của chúng mình để sử dụng là tốt nhất.

Ngoài ra, các bạn có thể lưu ý một số vấn đề khi sử dụng bộ tài liệu này:

1. Những câu đánh dấu “*” là những câu quan trọng, tuy nhiên những câu về điều kiện, cơ sở hình thành các nền văn minh không nên bỏ vì nó là cái cơ bản nhất để trả lời những câu khác, đặc biệt nhớ Vị trí địa lý của mỗi nền văn minh
2. Một số câu mình không chắc nên chưa thể giải chi tiết cho các bạn được để tránh nhầm lẫn, sai sót ảnh hưởng lớn đến các bạn.
3. Bộ tài liệu này chúng mình dùng những kiến thức được học trên giảng đường cũng với tham khảo ở khá là nhiều nguồn nhưng lâu quá nên không nhớ tên, và một số tài liệu thu tập cũng không có tên, chúng mình chỉ nhớ có giáo trình Lịch sử văn minh thế giới của Nguyễn Văn Ánh, Vũ Dương Ninh, bộ giáo trình LSTG cổ đại/trung đại/cận đại của NXB. Giáo dục và tài liệu học của VNU cùng với website <mailto:https://123docz.net/trang-chu.htm> thôi, nên chúng mình tạm thời sẽ không để danh mục tài liệu tham khảo.

Cuối cùng, bởi vì đây là lần đầu tiên chúng mình soạn ra một bộ tài liệu tương đối hoàn chỉnh, vì kinh nghiệm và kiến thức còn hạn hẹp nên có thể có những sai sót, vì vậy mong các bạn có thể bỏ qua hoặc góp ý qua email: oanhnguyen.020102@gmail.com. Chúng mình sẽ tiếp thu, học hỏi và có thể sẽ sửa đổi lại nội dung cho phù hợp.

Cảm ơn các bạn đã ủng hộ và sử dụng tài liệu của chúng tớ!

Oanh

Trang

MỤC LỤC

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG	3
A. HỌC LIỆU CÓ THỂ THAM KHẢO:	3
B. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM	3
1. Có hai quan điểm quan trọng có thể nghiên cứu:	3
2. Tiêu chí phân loại các thời đại/văn minh	3
3. Một số nhận định của Toynbee:	4
C. MỘT SỐ CÂU HỎI QUAN TRỌNG:	5
* 1. Vai trò của con người được thể hiện như thế nào trong sự phát triển của nền văn minh?	5
* 2. Vai trò của các dòng sông trong sự hình thành của các nền văn minh?	7
II. NỘI DUNG CHỦ YẾU	8
A. VĂN MINH AI CẬP	8
1. Cơ sở hình thành và phát triển của Văn minh Ai Cập.	8
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Ai Cập.	10
* 3. Kim Tự Tháp (KTT) được xây dựng trên những cơ sở nào?	12
B. VĂN MINH LƯƠNG HÀ	13
1. Cơ sở hình thành và phát triển của Văn minh Lương Hà	13
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Lương Hà:	14
* 3. Cơ sở hình thành bộ luật Hammurabi	16
* 4. Ý nghĩa và tính chất của bộ luật Hammurabi	17
C. VĂN MINH ẤN ĐỘ	18
1. Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội tới sự phát triển của Văn minh Ấn Độ.	18
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Ấn Độ.	20
* 3. Bối cảnh ra đời và nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo	21
* 4. Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ và sự truyền bá tôn giáo này ra bên ngoài.	23
* 5. Từ nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo. Hãy nêu suy nghĩ về: Mặc dù Phật giáo chưa hoàn toàn khoa học nhưng trên nhiều phương diện, Phật giáo đã có tính khoa học mạnh mẽ.	24
* 6. Ảnh hưởng và vai trò của văn minh Ấn Độ đối với sự phát triển của văn minh phương Đông.	25
D. VĂN MINH TRUNG HOA	27
1. Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội tới sự phát triển của Văn minh Trung Hoa.	27
2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Trung Hoa.	29

* 3. Bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Đông Chu và sự ra đời, quá trình phát triển và nội dung cơ bản của Nho Giáo.	31
* 4. Ảnh hưởng của Nho giáo trong lịch sử và xã hội Trung Quốc và một số quốc gia Phương Đông.	33
E. VĂN MINH ẨM RẬP	35
* 1. Hoàn cảnh lịch sử bán đảo ẨM RẬP (Thế kỷ VI - VII) và sự ra đời của đạo Hồi. Giáo lý cơ bản của đạo Hồi và sự truyền bá của Hồi giáo.	35
* 2. Đặc tính của nền Văn minh ẨM rập Hồi giáo	37
F. VĂN MINH HY-LA	39
1. Điều kiện hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp - La Mã.	39
2. Những thành tựu chính của Văn minh Hy Lạp - La Mã.	39
* 3. Bối cảnh xã hội La Mã và sự ra đời của đạo Cơ Đốc.	40
* 4. Giáo lý cơ bản của đạo Cơ Đốc và những ảnh hưởng của tôn giáo này.	41
G. TÂY ÂU VÀ PHONG TRÀO VĂN HÓA PHỤC HƯNG	42
* 1. Hoàn cảnh lịch sử của phong trào Văn hóa Phục Hưng.	42
* 2. Nội dung tư tưởng, thành tựu và ý nghĩa của phong trào Văn hóa Phục Hưng.	43
H. PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ	46
* 1. Tiền đề lịch sử, nguyên nhân, điều kiện của những phát kiến lớn về địa lý (cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI). Diễn tiến cơ bản của các phát kiến địa lý lớn và hệ quả của nó.	46
I. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP	47
* 1. Nền tảng, diễn biến của Cách mạng công nghiệp và tác động của văn minh công nghiệp đối với nhân loại.	47

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG

A. HỌC LIỆU CÓ THỂ THAM KHẢO:

1. Nguyễn Văn Ánh, LSVMTG, NXB Giáo dục VN, 2015
2. Vũ Dương Ninh, cb, LSVMTG, NXB. Giáo dục
3. Bộ giáo trình LSTG cổ đại/trung đại/cận đại, NXB. Giáo dục.
4. Arnold Toynbee, Nghiên cứu về lịch sử - Một cách thức diễn giải, NXB. Thế giới, Hà Nội, 2002 (**Sách khó đọc, chuyển ngữ khó chuẩn, mang tính học thuật cao**)
Phần 2. Sự hình thành các nền văn minh
Phần 3. Sự phát triển của các nền văn minh
Phần 4. Sự suy tàn của các nền văn minh
Phần 5. Sự tan rã của...
Phần 9. Sự tiếp xúc của các nền văn minh trong thời gian
Phần 10. Sự tiếp xúc của các nền văn minh trong không gian
5. John Christopher, Robert Lee Wolff, *Lịch sử phát triển văn hóa văn minh nhân loại*, Tập 1. Văn minh Phương Tây, Tập 2. Văn minh Phương Đông, NXB. VHTT, 2004

B. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM

1. Có hai quan điểm quan trọng có thể nghiên cứu:

1. LSVM gắn liền với sự hình thành và phát triển của thế giới con người => văn minh xuất hiện đồng thời với xã hội loài người.
2. LSVM không gắn liền với sự hình thành của thế giới con người vì xã hội văn minh đòi hỏi con người phải trải qua một quá trình tích lũy kinh nghiệm, biến những kinh nghiệm thành tri thức.
=> Văn minh được hình thành trên cơ sở tri thức của con người.
=> Sau thời gian dài tranh luận, quan điểm 2 được sự đồng ý bởi nhiều học giả.

2. Tiêu chí phân loại các thời đại/văn minh

2.1. Tiêu chí về hình thái kinh tế xã hội

Cộng xã nguyên thủy -> Chiếm hữu nô lệ -> Xã hội phong kiến -> TBCN -> Cộng sản chủ nghĩa

Học thuyết Marx giải thích lịch sử bằng nguyên nhân KT-XH

- Coi sự phát triển của sản xuất là thước đo trình độ phát triển KT-XH
- Coi đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển XH
- Con người là chủ thể trung tâm, lực lượng, động lực của phát triển xã hội

TBCN - thời kỳ đen tối của các nước thuộc địa.

Câu hỏi lý thuyết: Anh chị phân tích vai trò của con người và tự nhiên đến sự hình thành văn minh.

2.2. Tiêu chí về thời đại kỹ thuật

Các thời đại kỹ thuật:

- thời đại đồ đá
- thời đại đồ kim khí
- thời đại kỹ thuật công nghiệp (thủ công nghiệp sang công nghiệp):
Công cụ lẽ tác động đến năng suất lẽ tạo ra động lực để phát triển.

=> Nhấn mạnh yếu tố tri thức và vai trò của con người trong cải tiến công cụ lao động.

=> Con người sáng tạo => Tác động đến phát triển sản xuất => Thay đổi các thời đại văn minh. (Con người là chủ thể nhưng con người cũng là nạn nhân - Ung thư, bệnh tật, dịch bệnh, ...)

2.3. Tiêu chí về thời đại kinh tế

- TĐKT Tự nhiên (Công xã nguyên thủy):
- TĐKT Nông nghiệp (chiếm nô và pk): di cư từ núi, định cư ở ven sông, trồng trọt, cải tạo đất, có các kỹ năng khi thay đổi môi trường sống.
- TĐKT Công nghiệp: TBCN (sau cách mạng công nghiệp)
- TĐKT hậu Công nghiệp (nửa sau tk XX trở đi): Kinh tế tri thức.

=> Dù sử dụng bất kỳ tiêu chí nào thì trình độ phát triển sx (đạt được do trí tuệ của con người) luôn là thước đo trình độ phát triển chính xã - xã hội. Có nghĩa là, phải xem xét mỗi hình thái kinh tế xã hội (hay mỗi thời đại kinh tế hoặc kỹ thuật) trong mqh chặt chẽ giữa nền sx với cấu trúc xã hội và thiết chế chính trị của nó.

-> Phải đặt trong mqh ... để xem xét toàn diện và đầy đủ của nơi đó trong từng giai đoạn, (chỉ trong giai đoạn đó thì mới có vấn đề đó, như tư tưởng mỗi thời mỗi khác)

-> Dù đứng trên bất kỳ lập trường nào để tìm hiểu về lsvm thì luôn phải đặt con người ở vai trò trung tâm (tạo ra sự phát triển của sx và sự phát triển của xh)

Những điều kiện của nền văn minh: Con người là điều kiện cần, môi trường là đk đủ, chỉ khi đặt con người vào môi trường thì mới nhìn nhận được nền văn minh.

3. Một số nhận định của Toynbee:

3.1. “Tính đa dạng của tự nhiên là nguồn gốc tính đa dạng của văn hóa con người”

Đây là vấn đề về mt tự nhiên: con ng sinh sống ở mt khác nhau sẽ có văn hóa khác nhau, từ đó có cách cư xử khác nhau.

-> mỗi qq có vị trí địa chính trị khác nhau sẽ có sức ảnh hưởng khác nhau (nhớ bản đồ thế giới)

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

Vai trò của tự nhiên: vd Ấn Độ 3 mặt giáp biển -> giao lưu với bên ngoài và gây ảnh hưởng lớn đến bên ngoài như thế nào?

-> Con người ở đâu sẽ có những cách ứng xử đúng với chính nơi mà họ sinh sống (ăn uống, mặc, ở, tâm linh tín ngưỡng, kỹ năng ứng xử...)

-> Sự đa dạng của môi trường tự nhiên dẫn tới sự đa dạng của văn minh con người

3.2. “Thế giới này nếu không có con người thì không phải là môi trường... không có con người thì môi trường cũng không tồn tại”.

-> Điều kiện địa lý quyết định các yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, thủy văn... (môi trường tự nhiên), hiểu địa chất địa hình để hiểu về tập quán, sản xuất của con người khu vực đó (vùng ven biển khác vùng đồng bằng) => kiểu khí hậu (nóng, lạnh, ẩm) -> ảnh hưởng sản xuất, loại hình phát triển KT-XH tại khu vực.

Nền văn minh Ai Cập dựa trên nền nông nghiệp + thủ công, còn nền văn minh Lưỡng Hà là gồm nông nghiệp + thương nghiệp.

Lịch sử thương nghiệp Ả Rập rất quan trọng trong nghiên cứu

Các kỹ thuật đặc sắc của từng vùng được quyết định bởi điều địa lý: Ai Cập có Kim tự tháp và có dãy Nubia (phía nam) -> chất liệu đá phù hợp cho xây dựng và trang trí.

Kim tự tháp được xây dựng ở phía Bắc -> vận chuyển đá về bằng sông Nile (chảy từ Nam ra Bắc).

=> Điều kiện nào cũng quan trọng, tuy nhiên con người vẫn là trung tâm

3.3. “Ở con người, nhân tố quyết định thành công hay thất bại không phải là chủng tộc mà đó là năng lực ứng phó đáp lại thách thức của môi trường tự nhiên”

-> Các nhà khoa học vẫn còn đề cao chủng tộc da trắng, còn Toynbee chứng minh rằng tộc người phương Đông mới là người khai mở ra LSVM của thế giới.

=> Văn minh đạt được thành tựu phụ thuộc lớn vào chủng tộc rất nhiều (như người Do Thái), nhưng nếu cùng 1 chủng tộc được đưa vào 2 môi trường khác nhau thì chỉ có 1 bên sẽ tiến lên văn minh -> phụ thuộc vào môi trường tự nhiên sinh sống.

=> Không được đề cao 1 chủng tộc nào đó và hạ thấp các chủng tộc khác.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI QUAN TRỌNG:

*** 1. Vai trò của con người được thể hiện như thế nào trong sự phát triển của nền văn minh?**

- Con người là một thực thể sinh học, một bộ phận đặc biệt, quan trọng của giới tự nhiên, gắn bó, hòa hợp với tự nhiên.

Nhưng con người khác với các thực thể sinh học khác trong tự nhiên, con người không phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên (khác với thực thể khác là phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên)

Từ đó có thể thấy rằng, tự nhiên phục vụ cho con người. Con người có thể biến đổi giới tự nhiên và chính bản thân mình dựa trên các quy luật khách quan (con người sử dụng tri thức và trí tuệ của mình để biến đổi bản thân và biến đổi tự nhiên, tự hoàn thiện mình nhưng cũng phải tuân theo các quy luật khách quan):

Thông qua lao động sản xuất, con người sinh học trở thành thực thể xã hội. (Chinh phục tự nhiên luôn là đích đến của con người). Con người càng bị thách thức thì khả năng sáng tạo càng cao -> đạt được sự xuất sắc của sáng tạo và bước sang nền văn minh.

Bằng lao động sản xuất, con người chinh phục, tái tạo tự nhiên

Con người là chủ thể sáng tạo của lịch sử/quá trình lịch sử.

(Vd về việc biến thể của các loại virus gây bệnh: con người biến đổi, hoàn thiện mình thì tác động đến tự nhiên, sau đó những thực thể khác cũng tiến hóa theo, virus gây bệnh sau khi được con người tìm ra vaccin phòng ngừa thì nó tiếp tục tiến hóa).

Trong xã hội hiện đại ngày nay: Con người là nhân vật trung tâm của xã hội, là chủ thể chân chính sáng tạo ra mọi giá trị vật chất - tinh thần để phục vụ lại chính đời sống của mình. Trong mọi hoạt động của xã hội, đặc biệt là hoạt động sản xuất kinh tế không thể thiếu vắng bàn tay khối óc của con người.

Nói nhân tố con người là nói đến những phẩm chất, thuộc tính, tri thức, kinh nghiệm, năng lực, thói quen... của con người được biểu hiện trong các dạng thức hoạt động khác nhau, qua đó ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh tế. Quá trình này ảnh hưởng rất lớn đến môi trường tự nhiên, nhất là vấn đề ô nhiễm môi trường, đây là một vấn đề toàn cầu và ảnh hưởng tới sự tồn tại và phát triển của con người (*có thể kể một số hiện tượng đáng báo động hiện nay*). Đây là vấn đề tồn đọng và cấp bách, con người cần quan tâm và nghiên cứu các giải pháp để có thể phục hồi hoặc cải thiện vấn đề môi trường.

Lưu ý, nếu là câu hỏi về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên thì cũng tương tự như trên, nhưng có thể phân ra con người tác động đến tự nhiên và môi trường tự nhiên tác động đến con người, tuy nhiên trọng điểm là các vấn đề con người tác động môi trường, một số vấn đề môi trường tự nhiên tác động đến con người như:

- Môi trường sống tạo ra năng lực thích ứng của con người, môi trường sống khác nhau tạo ra những thích ứng khác nhau, đưa đến những giá trị văn minh khác nhau: Cùng một nơi sinh ra, nhưng nếu sống ở hai môi trường khác nhau thì hai khu vực sẽ có sự khác nhau, không phải nơi nào cũng có thể tiến lên nền văn minh mà chỉ có 1 nơi phù hợp cơ bản các điều kiện để tiến lên nền văn minh.

=> Môi trường tự nhiên tác động đến sự sống còn và phát triển của con người:

- + Thời cổ đại, con người có xu hướng di cư đến nơi có nguồn nước để sinh sống (Con người để có thể sống không thể thiếu nước uống). Sau đó dần hình thành các bộ tộc, bộ lạc sinh sống cùng nhau ven các con sông, ven biển... Tuy nhiên những người sống ở khu vực khó khăn hơn có thể di dân đến chiếm nguồn nước -> chiến tranh giữa các bộ tộc.

- + Công cuộc trị thủy thời cổ đại luôn là vấn đề khó giải quyết và buộc con người phải có sự liên kết - liên minh, đây là cơ sở để hình thành nhà nước.

- + Hình thành và phát triển các thành tựu về khoa học tự nhiên: toán học, thiên văn học, vật lý, ...

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

+ Hiện nay, môi trường tự nhiên bị ảnh hưởng nghiêm trọng, ảnh hưởng tới sự sống còn của con người.

=> Trong sự hình thành và phát triển các nền văn minh

- Thách thức và (tạo ra) ứng phó -> khó khăn của sự xuất sắc -> Nhân tố kích thích của những vùng đất bạc bèo -> Nhân tố kích thích của thử thách. Càng bị thử thách, con người càng sáng tạo về có khả năng thích ứng cao vì con người luôn muốn chinh phục.

Quy luật phát triển của các nền vm:

- Phát triển từ thấp đến cao và có tính kế thừa
- Tốc độ phát triển của các thời đại vm càng về sau càng nhanh hơn
- Các nền vm có các cấp độ giá trị khác nhau về không gian và thời gian
- Tính mở các nền văn minh ngày càng cao.

*** 2. Vai trò của các dòng sông trong sự hình thành của các nền văn minh?**

Đặc điểm chung: đa phần các nền văn minh phương Đông cổ đại được hình thành trên lưu vực: Ai Cập (sông Nin), Lưỡng Hà (Sông Tigơ và Ơphrat), Ấn Độ, (sông Ấn và sông Hằng), Trung Hoa (Hoàng Hà và Trường Giang), La Mã cổ đại (Sông Tiber)...

- Nước là yếu tố quyết định của sự sống, là nguồn sống của sự sống: Con người thời cổ luôn đi tìm nơi có nguồn nước lớn để định cư và sản xuất, sinh sống. Trong cơ thể con người hơn 70% là nước, cơ thể không thể thiếu nước. Người xưa có câu “Có thể không ăn 3 ngày nhưng không thể không uống nước trong 7 ngày”. Nước cũng là để thải độc cho cơ thể.

- Cung cấp đất đai màu mỡ, khoáng chất, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Dòng sông chuyền lòng Quỳnh nuôi sống các cư dân cổ đại, bởi nó cung cấp lượng lớn đất đai màu mỡ, tạo đk cho nông nghiệp phát triển.

VD: Ở Ai Cập, sau mỗi mùa nước lên, sông Nin để lại những cánh ruộng đồng bạt ngàn lớp Phù Sa vô cùng màu mỡ, Chính nhờ những lớp Phù Sa đen luôn được bồi đắp hàng năm đã thúc đẩy canh tác trồng trọt, tăng năng suất Nông Nghiệp tối đa giúp người Ai Cập luôn có những mùa màng bội thu đến bất ngờ.

Ở Lưỡng Hà, à lũ lụt thường xuyên xảy ra dọc theo hai trong làm cho vùng đất xung quanh chúng trở nên màu mỡ để trồng cây lương thực.

- Cung cấp nguồn nước: Rõ ràng rằng những con sông đóng vai trò chủ đạo trong việc cung cấp nguồn nước cho các cư dân.

VD: ở Ai Cập cư dân không thể tồn tại nếu không có trong Nil (vì khí hậu khô hạn), sông Nin còn giúp chống lại sự xói mòn và xâm lấn của sa mạc.

Ở phía tây đồng bằng sông Hồng, Con sông này cung cấp nước tưới và một hệ thống kê đặt hàng chỉ giúp thuận tiện trong việc trồng trọt các loại lương thực thực phẩm như lúa, khoai tây, lúa mì và hạt có dầu...

- Cung cấp nguyên vật liệu: Ngoài việc cung cấp đất, nước, ốc các dòng sông còn cung cấp nguyên vật liệu cho đời sống hàng ngày cũng như trong nền thủ công nghiệp:

- + Gạch, gốm, thủy Tinh: lấy từ sông
 - + Lưỡng Hà: do điều kiện tự nhiên không có nhiều đá -> lấy đất chết từ Phù Sa để làm gạch, chất liệu viết, quan tài... sử dụng cách làm thủy tinh và trang trí nhà cửa...
 - + Trung Hoa: Dùng đất sét trắng làm gốm gắn liền tên tuổi Trung Hoa từ thời kì cổ đại...
- Cung cấp nguồn thủy sản dồi dào: Ai Cập tiêu thụ tương đối ít gia súc (do đất đai hẹp và xung quanh là sa mạc, khí hậu khô cằn) -> nền chăn nuôi không có điều kiện phát triển, Vậy nên người Ai Cập lấy đạm từ cá đánh bắt trên sông Nin, đây cũng là nguồn cung cấp chính cho bữa ăn hàng ngày của người dân Ai Cập.
- Là con đường giao thông, vận chuyển: Nội thương và ngoại thương: Sông Tigơ và Ơphrat tạo ra những con đường thương mại, là cầu nối giữa vùng Hắc Hải - Vịnh Ba Tư và giữa Địa Trung Hải với Phương Đông, tạo nên hành lang giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các quốc gia Đông - Tây.
- Sông Nin chảy qua 11 quốc gia, do đó nó là huyết mạch giao thông chính nối tất cả các vùng của Ai Cập cũng như nối Ai Cập với các nước láng giềng.
- Quá trình khai phá, chinh phục các dòng sông lớn (trị thủy) là cơ sở ra đời các thiết chế nhà nước sơ khai đầu tiên
- Yếu tố nước đóng góp vào sự hình thành nhiều giá trị văn minh nhân loại (tôn giáo tín ngưỡng, toán học, văn học, nghệ thuật, thiên văn học): Cư dân Ai Cập coi sông Nile, thần sông là mẹ. Các công trình kiến trúc cũng có rất nhiều những hình ảnh lượn sóng như những sóng nước. Dùng sông để tạo nên những tác phẩm văn học hay, nghệ thuật ra đời => Đời sống văn hóa, tín ngưỡng, sản xuất kinh tế của người dân.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

A. VĂN MINH AI CẬP

1. Cơ sở hình thành và phát triển của Văn minh Ai Cập.

❖ Điều kiện tự nhiên:

- **Vị trí:** Ai Cập nằm ở Đông Bắc châu Phi, dọc theo hạ lưu sông Nin (sông Nin bắt nguồn từ vùng xích đạo của châu phi, dài 6700km, nhưng phần chảy qua AC chỉ 700km).

- **Đất đai:** Miền đất đai do sông Nin bồi đắp chỉ rộng 15-25km, ở phía Bắc có nơi rộng đến 50km vì ở đây sông Nin chia thành nhiều nhánh trước khi đổ ra biển. Hàng năm từ tháng 6-11, nước sông Nin dâng cao đem theo một lượng phù sa rất phong phú bồi đắp cho vùng đồng bằng hai bên bờ ngày càng thêm màu mỡ. Chính vì vậy nền kinh tế ở đây phát triển sớm tạo điều kiện cho AC có thể bước vào xã hội văn minh sớm nhất thế giới. Cũng như câu "**AC là tặng phẩm của sông Nin**", sông Nin chính là yếu tố then chốt của nền văn minh Ai Cập, là huyết mạch, nguồn sống, không chỉ có vai trò kinh tế mà còn là trung tâm của nền tư duy.

- **Địa hình:** đa dạng

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

+ Là khu vực tương đối bị đóng kín, phía Bắc - Địa Trung Hải, phía Nam - Vùng núi hiểm trở Nubia, phía Đông - Biển Đỏ, phía Tây - Sa mạc Sahara. Chỉ có vùng ĐBắc, vùng kênh đào Xuy Ê ngày nay, người AC cổ mới có thể qua lại với vùng Tây Á.

+ Ai Cập chia thành hai miền rõ rệt theo dòng chảy của sông Nin từ Nam ra Bắc: miền Thượng Ai Cập (miền Nam) là một dải lưu vực hẹp. miền Hạ AC (miền Bắc) là một đồng bằng hình tam giác.

- *Tài nguyên thiên nhiên:*

+ AC có nhiều loại đá quý: đá vôi, bazan, hoa cương, mã não...

+ Kim loại: đồng, vàng, còn sắt thì phải đưa từ bên ngoài vào

- *Khí hậu:* Khí hậu sa mạc quanh năm khô nóng => lưu giữ lâu dài những thành tựu (các công trình kiến trúc cổ, bảo quản xác ướp, ...)

❖ Điều kiện kinh tế - xã hội:

Về kinh tế: Nền nông nghiệp thủy nông => là một hệ quả tất yếu dưới tác động của các điều kiện tự nhiên

- *Thời gian:* xuất hiện từ rất sớm, cách đây khoảng 9000 năm (thiên niên kỷ thứ 7 TCN)

- *Hình thức:* ban đầu lối sản xuất khá đơn giản, về sau ngày càng được cải tiến từ công cụ lao động, kỹ thuật sản xuất, ... Hình thái công cụ phong phú, trong đó chủ yếu là công cụ đá. Cơ chế mùa vụ, xen canh, gối vụ ... bước đầu hình thành.

- *Thủy lợi:* ngày càng trở nên cấp thiết => thúc đẩy các cư dân Ai Cập cổ đại phải liên kết lại, tạo tiền đề hình thành nhà nước.

Ngoài ra, với nguồn nguyên liệu dồi dào, nhất là đá cũng thúc đẩy kinh tế thủ công nghiệp phát triển như rèn, dệt, chế tác đá, làm giấy ...

Về xã hội: Cư dân chủ yếu của AC ngày nay là người Ả Rập. Cư dân thời cổ đại là người Libi, người da đen, và có thể có cả người Xemit di cư từ châu Á sang. Dù Ai Cập có lúc suy lúc thịnh, nhưng về cơ bản xã hội AC khá bền vững.

Sở dĩ Ai Cập tồn tại được là do sự phì nhiêu của lưu vực sông Nin => dù ai cai trị thì sông Nin vẫn nuôi sống được số dân to lớn, Ai Cập luôn có khả năng phục hồi.

Một yếu tố khác cũng là yếu tố then chốt giúp Ai Cập tồn tại, đó là dân cổ Ai Cập tin vào một vương quyền thần thánh, niềm tin bền bỉ đến nỗi cho dù triều đại có suy vong thì nó luôn được phục hồi theo một khuôn mẫu đã có từ trước. Khi nhà vua mất và vua khác lên cai trị, người Ai Cập chỉ xem đó là sự tuần hoàn như mặt trời lặn vào mọc, điều này bất biến theo thời gian. Mỗi nhà vua là một biểu tượng mới của một vị thần mặt trời, là biểu tượng của thần linh và có nhiệm vụ bảo vệ đất nước. Việc mỗi năm theo chu kỳ sau hạn hán, sông Nin lại dâng nước lên bù đắp cho ruộng đồng khô cháy và mang những tặng phẩm cao quý đến cho người dân AC cổ, họ cũng tin rằng đây chính là biểu tượng của sự phục sinh.

Dựa trên những điều kiện thuận lợi đó, nền văn minh Ai Cập cổ đại đã hình thành, trải qua lịch sử phát triển hàng ngàn năm và đạt được rất nhiều thành tựu rực rỡ.

2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Ai Cập.

2.1. Chữ viết

Ai Cập là một trong những dân tộc đầu tiên trên thế giới sáng tạo ra chữ viết. Chữ viết là một hình thức ký hiệu đặc biệt ra đời nhằm ghi lại tiếng nói của con người, lưu giữ những gì con người muốn biểu hiện, truyền đạt,...

- Được phát hiện trên các bức phù điêu, tường vách của những lăng mộ, đền đài,... và qua các tài liệu viết bằng giấy Papyrus.

- **Chữ tượng hình:** một hình thức chữ viết đơn giản - sử dụng những hình vẽ ghi chép ngoại hình để miêu tả nội dung của từ => còn bộc lộ nhiều hạn chế, chỉ biểu thị được những từ mang tính cụ thể, không biểu hiện được những từ mang tính trừu tượng.

- **Chữ tượng ý:** được phát triển từ chữ tượng hình - song được đơn giản hóa, kết hợp nhiều hình với nhau => cũng không thể biểu đạt hết những ý phức tạp, thiếu chính xác, trong một số trường hợp có thể gây hiểu sai...

- **Sự kết hợp giữa tượng ý và ghi âm:** tượng ý liên kết các hình vẽ, sử dụng hệ thống biểu tượng để diễn đạt từ. Ghi âm sử dụng những ký hiệu đặc biệt ghi lại cách phát âm từ của con người

=> Chữ viết đã giúp cho người Ai Cập cổ đại ghi chép, lưu trữ lại nhiều thông tin quý giá về chính trị, tôn giáo, lịch sử, văn học,... Tuy nhiên, chữ viết Ai Cập cổ còn rất nhiều hạn chế, khó học, khó diễn giải nên trước kia chỉ có giai cấp quý tộc và hệ thống thư lại là có thể sử dụng được loại chữ này.

Thiên niên kỷ II TCN, người Hyksos xâm chiếm và sử dụng loại chữ này, sau đó lan rộng sang nhiều quốc gia khác, là cơ sở cho người Phoenicia sáng tạo ra bảng chữ cái Alphabet (Khởi nguồn hệ chữ cái Latinh) => đặt nền móng cho sự phát triển hệ thống văn tự của nhân loại

Thế kỷ XVIII-XIX, Các nhà khoa học mới dò ra cách thức được đọc chữ Ai Cập. Tuy nhiên, vì có quá nhiều ký tự biểu thị những ý nghĩa khác nhau, nên việc giải mã các ký tự là một việc rất là khó khăn.

2.2. Văn học: Những áng văn giải thích sự thế, diễn tả giá trị tinh thần, về sự hài hòa trong xã hội.

- Thể loại: tục ngữ, thơ ca trữ tình, truyện ngụ ngôn, trào phúng, thần thoại,...

- Tác phẩm chính: Truyện hai anh em, Nói Thật và Nói Láo, Nói chuyện với linh hồn của mình, Lời kể của Ipuxe, Sống sót sau vụ đắm thuyền,...

2.3. Tôn giáo: đa thần

➤ **Các thần tự nhiên:**

- Thiên thần – thần Nut: là một nữ thần được thể hiện qua hình tượng một người đàn bà hoặc một con bò cái

- Địa thần – thần Ghép: là một nam thần

- Thủy thần, tức thần Sông Nile – thần Odirix: vị thần giúp cho ruộng đồng tươi tốt, bốn mùa thay đổi, cây cối chết rồi sống lại

- Thần không khí – thần Su: là sự kết hợp giữa thần Nut và thần Ghép

- Thần Mặt Trời – thần Ra (thần đứng đầu)

- **Thờ người chết:** họ quan niệm rằng trong mỗi con người đều có một linh hồn, con người không thể nhìn thấy. Linh hồn tồn tại đến khi thi thể con người hủy nát => nếu thi thể được bảo tồn thì linh hồn một lúc nào đó sẽ nhập vào thể xác và con người sẽ sống lại => tục ướp xác
- **Thờ nhiều loại động vật:** từ dã thú, gia súc đến côn trùng, đặc biệt là bò mộng Apix
- **Thờ các hình tượng tưởng tượng** như phượng hoàng, nhân sư (đầu người mình sư tử => muốn có sức mạnh như sư tử, trí tuệ như con người)

2.4. Kiến trúc và điêu khắc

Kiến trúc và Điêu khắc là những thành tựu được đánh giá là to lớn, quan trọng bậc nhất của người Ai Cập. Những tác phẩm kiến trúc và điêu khắc đều chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi điều kiện tự nhiên, tôn giáo Ai Cập cổ đại, nhìn chung đều có quy mô to lớn, đồ sộ.

- **Kiến trúc:** nhiều công trình kiến trúc đạt trình độ kỹ thuật cao, quy mô to lớn, đồ sộ, đặc biệt là những kiến trúc về tôn giáo như đền thờ Canắc, đền thờ Loxo, kim tự tháp Khêop, Kim tự tháp Ai Cập cũng là 1 trong 7 kỳ quan cổ đại còn tồn tại cho đến ngày nay.

- **Điêu khắc:** đối tượng chủ yếu được miêu tả là tôn giáo, thần thánh, các vị Pharaoh,... là một bộ phận của kiến trúc và không tách rời kiến trúc. Có thể kể đến những tác phẩm điêu khắc nổi tiếng của người Ai Cập cổ đại như tượng thư lại, tượng nhân sư Xphanh, tượng hoàng hậu Nê-phéc-ti-ti, phù điêu trên các lăng mộ cổ,...

=> **2 công trình vĩ đại nhất:** Kim tự tháp; Tượng Xphanh (Nhân sư)

2.5. Khoa học tự nhiên

❖ **Toán học:** trình độ tương đối cao thể hiện thông qua cách tính tỉ lệ của các kim tự tháp, khả năng tính toán lên đến hàng triệu...

- Tính được gần đúng số pi ~ 3,16, tìm ra công thức tính chu vi, diện tích của nhiều hình khác nhau

- Hệ thống thập tiến vị được sử dụng (quy ước cứ 10 đơn vị tạo thành 1 chục)

❖ **Thiên văn học:** xuất phát từ nhu cầu nhận biết sự lên xuống của mực nước sông Nin để phục vụ cho sản xuất

- Nhận biết được các chòm sao, xác định vị trí của nhiều hành tinh trong hệ mặt trời; tính toán được chính xác sự lên xuống của mực nước sông Nin,...

- Lịch pháp: phát minh ra hệ thống Dương lịch Ai Cập, 365 ngày = 1 năm = 12 tháng, 1 năm 3 mùa (nước dâng, ngũ cốc, thu hoạch), mỗi mùa 4 tháng.

- Đo đạc thời gian: một số loại đồng hồ như đồng hồ mặt trời, đồng hồ nước

❖ **Y học:** phát triển các ngành ngoại khoa

- Đã có khả năng nhận biết các loại bệnh và có kinh nghiệm, phương pháp trong điều trị một số căn bệnh.

- Đạt thành tựu rực rỡ trong kỹ thuật ướp xác, đây là một kỹ thuật đặc biệt, đòi hỏi kỹ thuật giải phẫu, hiểu biết rõ về ngoại khoa và bác sĩ phải rất giỏi mới có thể thực hiện được.

*** 3. Kim Tự Tháp (KTT) được xây dựng trên những cơ sở nào?**

- Cơ sở tự nhiên:

+ Vị trí địa lý: KTT được xây dựng chủ yếu ở phía Bắc, tại đây địa hình là những dải đồng bằng tương đối bằng phẳng, thích hợp để lựa chọn làm nơi xây dựng những công trình lớn.

+ Khí hậu: giáp sa mạc Sahara khí hậu khô nóng tự nhiên thích hợp bảo quản lưu giữ công trình cũng như bảo quản xác ướp.

+ Sông ngòi: sông Nin chảy từ Nam ra Bắc, tạo điều kiện cho việc vận chuyển đá và các nguyên vật liệu khác.

+ Tài nguyên đá: phong phú, khu vực núi Nubia phía nam có những loại đá phù hợp để xây dựng và trang trí, là vật liệu xây dựng chủ yếu của KTT; ngoài ra còn có cát trên sa mạc Sahara.

+ Tài nguyên gỗ (Vùng núi phía Nam): đóng bè mảng, thuyền lớn để vận chuyển đá trên sông

- Cơ sở tôn giáo

+ KTT là kết quả của niềm tin tôn giáo

+ Người Ai Cập cổ quan niệm linh hồn bất tử dẫn đến nhu cầu bảo tồn thể xác

+ Niềm tin vào thế giới bên kia, về sự vĩnh hằng, chết không phải là kết thúc

+ Sự tôn thờ Pharaoh của người Ai Cập cổ, Pharaoh là người có quyền năng tối thượng được coi là thần hiện thân trên trái đất -> việc ướp xác và xây dựng KTT là để chứng tỏ sự trường tồn và sự bất diệt của sức mạnh Pharaoh.

+ Sự chi phối của tôn giáo cũng tạo ra động lực và niềm tin cho những người tham gia xây dựng KTT vì với họ việc tham gia xây dựng như 1 sự cống hiến cho các vị thần, là 1 niềm vinh dự lớn lao -> số lượng người tham gia luôn được đảm bảo

- Cơ sở kinh tế

+ Khả năng phát triển kinh tế nông nghiệp vượt trội của AC thời kỳ cổ Vương quốc không chỉ đảm bảo cuộc sống cơ bản cho người dân, mà còn đáp ứng được mọi nhu cầu xa xỉ của tầng lớp thống trị

+ Thời kỳ Trung và Tân vương quốc quan hệ kinh tế rộng mở hơn: thương nghiệp (đặc biệt là ngoại thương rất phát triển, thủ công nghiệp cx phát triển mạnh

- Cơ sở chính trị: Nền chính trị Ai Cập tạo ra nhu cầu và khả năng cho các Pharaoh xây dựng KTT:

+ Thể chế nhà nước quân chủ chuyên chế và trung ương tập quyền mạnh là điều kiện cần thiết để huy động và tiến hành các công trình vĩ đại

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

- + Pharaoh là người có quyền lực và sức mạnh vô hạn bởi sự kết hợp của vương quyền và thần quyền

- + Chính quyền trung ương đứng đầu là Pharaoh khẳng định quyền sở hữu tối cao đối với mọi tư liệu sản xuất và nguồn của cải của đất nước, kể cả nguồn lực con người

- Cơ sở xã hội

- + Sự phân hóa xã hội đã đưa tới sự hình thành các bộ phận giai cấp và tầng lớp khác nhau để phục vụ những nhu cầu xa xỉ của giai cấp thống trị (ông dân công xã trực tiếp sản xuất tạo ra nguồn của cải cho đất nước, và nô lệ là lực lượng lao động trực tiếp xây dựng các công trình kiến trúc)

- + Sự phân công lao động hợp lý tạo nên sự lành nghề, chuyên môn hóa cao của đội ngũ kiến trúc sư, thợ thủ công. Điều này để lại dấu ấn trên các công trình kiến trúc và điêu khắc

- + Ngoài ra, cơ sở về tri thức khoa học và kỹ thuật thiên văn học, toán học... đóng góp rất lớn cho việc xây dựng KTT

Ở thời cổ, KTT chỉ là lăng mộ của các vị vua và nhà vua thời cổ nắm mọi quyền hành. Về sau, bên cạnh KTT của các vua thì còn có KTT của các lãnh chúa, tăng lữ, thương nhân, số lượng KTT ngày càng tăng lên nhưng quy mô thì nhỏ đi.

Lý do: Khi quân đội Ba Tư, Hy Lạp, La Mã đến xâm lăng và sáp nhập AC vào đế quốc của họ, Nhưng nền văn minh của họ vẫn tồn tại, tại vì nói chung những nước xâm lược này vẫn tôn trọng nền văn minh cổ Ai Cập và cho nó được tiếp tục. Tuy nhiên, nền văn minh cổ Ai Cập đã không thể tiếp tục tồn tại khi Đế quốc La Mã chuyển theo Thiên Chúa Giáo, đưa Thiên Chúa Giáo vào AC. Quan niệm vương quyền của Ai Cập đã lung lay trước sự ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo, và các ông vua không còn là biểu tượng của thần linh nữa. Tín ngưỡng tang ma của người Ai Cập (biểu hiện qua việc ướp xác) cũng mâu thuẫn với những điều trong Thiên Chúa Giáo. Khi quan niệm vương quyền thần linh không còn => nền văn minh cổ Ai Cập tàn lụi dần.

B. VĂN MINH LƯƠNG HÀ

1. Cơ sở hình thành và phát triển của Văn minh Lương Hà

Lưỡng Hà là một trong những nền văn minh cổ và sớm nhất thế giới, là một trong bốn nền văn minh đồng bằng châu thổ nổi tiếng: sông Nin - Ai Cập, Đồng bằng sông Hằng - Ấn, Đồng bằng sông Hoàng Hà, Trường Giang - Trung Quốc.

❖ Điều kiện tự nhiên:

- **Vị trí:** Lưỡng Hà là miền đất nằm giữa hai sông Tigơ (Đông) và Ơphrat (Tây). Hai con sông này có vị trí quan trọng trong việc hình thành đồng bằng ở giữa tạo nên nền văn minh Lưỡng Hà. nơi hẹp nhất giữa hai dòng sông được gọi là Babylon.

- **Đất đai:** Lưỡng Hà do được hai con sông lớn bồi đắp hàng năm nên đất đai phì nhiêu, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, lúa mì lúa mạch có thể sản xuất 3 vụ một năm. Chính nhờ đất đai phì nhiêu như vậy nên cũng như Ai Cập cổ đại, kinh tế ở đây sớm có điều kiện phát triển do đó Lưỡng Hà đã sớm bước vào xã hội văn minh.

- **Địa hình:** Lưỡng Hà là một vùng hoàn toàn dễ ngả về mọi phía, không có những biên giới hiểm trở bảo vệ, vì vậy trong mấy ngàn năm lịch sử vùng này đã trở thành nơi tranh giành của nhiều dân tộc người khác nhau, dẫn đến sự hưng vong của nhiều quốc gia hùng mạnh một thời.

- **Tài Nguyên:** không giàu có, Lưỡng Hà hiếm đá quý và kim loại nhưng lại có một loại đất sét tốt, vì vậy đất sét trở thành nguyên liệu chủ yếu của các ngành kiến trúc, lưu trữ văn bản, chữ viết, thậm chí đất sét còn được đưa vào trong huyền thoại.

❖ Điều kiện kinh tế - xã hội:

- **Về kinh tế:** Nền văn minh nông nghiệp kết hợp với văn minh thương nghiệp

Nông nghiệp có nhiều yếu tố thuận lợi để phát triển đặc biệt là vùng đồng bằng bằng phẳng, ít bị ngăn cách, nguồn cung cấp nước tưới đều đặn từ hệ thống sông Tigro - Ơphrat. Nhờ có điều kiện tự nhiên thuận lợi nên ngay khi công cụ sản xuất còn tương đối thô sơ thì nông nghiệp vẫn có điều kiện phát triển, sớm bước vào xã hội văn minh.

- **Về xã hội:** Cư dân cổ xưa nhất ở Lưỡng Hà là người Xume nhưng sau đó có nhiều dân tộc như Accat, Amorit, Xêmit đã đến xâm lược Lưỡng Hà và lập nên nhiều quốc gia riêng. Ngoài ra, các tộc người trước sau tới Lưỡng Hà lại đồng hóa với nhau khiến cho thành phần cư dân ở đây hết sức phức tạp. Tộc người trước và sau cùng chung sống và tạo ra nền văn hóa độc đáo riêng biệt.

2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Lưỡng Hà: Những đoàn dân buôn có vũ khí và tàu buôn thời bấy giờ là những tác nhân mạnh mẽ khuếch tán văn hóa Lưỡng Hà.

2.1. Chữ viết: Sử dụng cho mục đích hành chính, tôn giáo, văn học, khoa học... Khởi đầu là những bức tranh đơn giản vẽ nguệch ngoạc trên đất sét ướt để theo dõi hàng hóa và quy trình giao thương, sau đó phát triển thành một hệ thống chữ viết tinh vi vào năm 3200 TCN.

- Chữ viết đầu tiên do người Xume sáng tạo vào cuối thiên niên kỷ IV TCN. Chữ viết này là chữ tượng hình, dùng que để vạch trên đất sét.

- Về sau người Phenixê và người Ba Tư cải tiến chữ tiết hình thành văn chữ cái, tuy nhiên phải đến sau công nguyên, chữ phiên âm mới hoàn toàn thay thế. Ngày nay, các tư liệu của văn minh Lưỡng Hà đã được giải mã và dịch ra ngôn ngữ hiện đại.

2.2. Văn học

- Hai bộ phận chính: văn học dân gian và sử thi.

- Văn học dân gian: phản ánh cuộc sống lao động của nhân dân, cách ứng xử của con người được truyền miệng từ đời này sang đời khác nên ngày nay được biết đến không nhiều.

- Sử thi: Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tín ngưỡng, tôn giáo Lưỡng Hà cổ đại nên chủ đề là ca ngợi các thần, tiêu biểu như sử thi Khai thiên lập địa, Nạn hồng thủy, Gingamét,...

2.3. Tôn giáo

- Cư dân Lưỡng Hà cổ đại theo đa thần giáo, thờ cúng nhiều thần linh tự nhiên, động vật, thực vật, linh hồn người chết,.. Tuy nhiên mỗi thành bang lại thờ các vị thần khác nhau, vị trí các thần cũng khác nhau.

- Việc thờ cúng thần chết cũng rất được coi trọng, người Lưỡng Hà rất chú ý đến lễ mai táng.

2.4. Luật pháp: Lưỡng Hà là khu vực có những bộ luật sớm nhất, trong đó bộ luật quan trọng nhất ở LH cổ đại là luật Hammurabi.

Bộ luật này khắc trên một bia đá do đội khảo cổ học Pháp phát hiện được ở Xuda, nay trưng bày tại một viện bảo tàng của Pháp. Đây là bộ luật cổ sớm nhất hầu như còn nguyên vẹn mà ngày nay đã phát hiện được.

Bộ luật Hammurabi gồm 3 phần: mở đầu các điều luật, các điều luật và kết luận.

Phần mở đầu nói về sứ mạng thiêng liêng, uy quyền của Hammurabi và mục đích ban hành bộ luật.

Phần nội dung chính gồm 282 điều luật, đề cập đến các vấn đề thủ tục kiện tụng, các tội hình sự (Trộm cắp, gây thương tích, làm chết người...), các vấn đề dân sự (hôn nhân, quyền sở hữu tài sản, chế độ ruộng đất, tô thuế,...)...

Phần kết luận nhắc lại uy quyền, công đức của vua và hiệu lực của bộ luật. .

“Đây là pháp luật do đức vua Hammurabi bách thắng đặt ra để đem lại hạnh phúc chân chính và đặt nền thống trị nhân từ trong nước”

- **Nguồn gốc:** Bộ luật Hammurabi được xây dựng trên cơ sở pháp điển hóa nhiều văn bản trước đó và trên cơ sở kế thừa luật lệ của người Sumer, người Amorit.

- **Nội dung cơ bản:**

+ Quy định hình phạt về các tội vu cáo, trộm cắp, gây thương tích hay làm chết người và những hành vi gây rối loạn trong xã hội.

+ Quy định về quyền lợi của những người đóng góp nghĩa vụ quân sự, trong đó đề cập đến tù binh hoặc người không hoàn thành nhiệm vụ quân đội.

+ Quy định về thu sản phẩm của các thành phần dân cư trong xã hội, trong đó chú trọng đến những người canh tác ruộng đất công.

+ Quy định về vay nợ và không trả nợ.

+ Quy định về buôn bán.

+ Quy định về hôn nhân và gia đình trong đó nói tới quyền thừa kế tài sản.

+ Ngoài ra còn có những quy định về xử phạt, mức trả công cho người chữa bệnh, thuê mướn...

- **Đặc điểm của bộ luật:** Bộ luật được xây dựng công phu, điều chỉnh và phản ánh sinh động các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của Vương quốc Babylon. Nhiều quy phạm chứa những giá trị tiến bộ, nhân đạo, đặc biệt về các quy định hôn nhân. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về tính giai cấp, bất bình đẳng như trong các quy định về hình sự và sự bất hợp lý trong các quy định về tố tụng.

2.5. Kiến trúc và điêu khắc

- Kiến trúc: nổi tiếng nhất là vườn treo Babylon (một trong bảy kỳ quan thế giới cổ đại)
- Điêu khắc: bao gồm tượng và phù điêu tiêu biểu như bia luật Hammurabi, bia điều hâu, các tượng thần...

2.6. Khoa học tự nhiên

- Toán học: đã biết sử dụng phép đếm thập tiến vị, cách tính độ, cộng trừ nhân chia, bảng căn số, giải phương trình ba ẩn,... Về hình học đã biết tính diện tích một số hình, quan hệ các cạnh trong một tam giác vuông (trong bản đất sét cổ của người Babylon cổ đại có ghi chép những phương pháp tính toán)...
- Thiên văn học: đã xác định được đường hoàng đạo và chia đường hoàng đạo ra làm 12 cung, biết sao chổi, sao băng, động đất, bão,... Người Xume đã tính được lịch âm chia một năm thành 12 tháng với 354 ngày.
- Y học: biết đến nhiều loại bệnh và có phương pháp chữa trị cho nhiều bệnh khác nhau, điều chế dược liệu và chuyên môn hóa...

* 3. Cơ sở hình thành bộ luật Hammurabi

Lưỡng Hà sớm bước vào xã hội văn minh, có nền văn minh vô cùng rực rỡ và có sức ảnh hưởng trên toàn thế giới. Trong đó, nền luật pháp xuất hiện sớm ở Lưỡng Hà, bởi vì:

- **Điều kiện tự nhiên:** Lưỡng Hà là miền đất giữa hai sông Tigơ và Ơphrat, địa hình bằng phẳng, ít núi non hiểm trở, không có biên giới tự nhiên nên chiến tranh xảy ra liên miên, cùng với đó là các tộc người nước ngoài xâm nhập vào khiến Lưỡng Hà có thành phần cư dân phức tạp, với người Sumer, người Accat, người Amorit, ... và nhiều ngoại tộc tràn vào trong quá trình xâm lược đồng hóa với nhau.

- **Cơ sở chính trị:** Nhà nước cổ Babylon tiếp tục tồn tại và xây dựng dựa theo hình thái nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Quyền lực tập trung trong tay nhà vua. Và để thực hiện quyền hành và cai trị vùng đất của mình, Vua Hammurabi và Tòa án cấp cao đã lập ra bộ luật Hammurabi, bộ luật này thể hiện tư tưởng chính trị của vua muốn thông qua luật pháp để hạn chế, xoa dịu mâu thuẫn xã hội ở Babylon, củng cố và phát triển kinh tế xã hội.

- **Cơ sở kinh tế:** Tuy đất đai màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp nhưng Lưỡng Hà thiếu tài nguyên thiên nhiên nên hoạt động nội thương và ngoại thương sớm phát triển để trao đổi buôn bán. Tuy nhiên, trong quá trình buôn bán xảy ra nhiều tranh chấp, xung đột dẫn đến nhu cầu cần phải có quy định để giải quyết các tranh chấp trong quan hệ dân sự. Ngoài ra, Người Lưỡng Hà phát hiện chữ viết (văn tự) từ rất sớm (giữa thiên niên kỷ thứ 4 trước CN). Tiền lệ pháp, tập quán pháp đã được sử dụng rất rộng rãi trước khi Bộ luật này ra đời.

- **Cơ sở xã hội:** Ra đời trong bối cảnh xã hội chiếm hữu nô lệ ở Lưỡng Hà cổ đại, Bộ luật Hammurabi không thể làm một việc gì khác hơn là phản ánh các quan hệ thống trị đương thời, nó là công cụ hữu hiệu để bảo vệ quan hệ đó.

Xã hội Lưỡng Hà cổ đại thời Hammurabi được chia thành ba giai cấp: giai cấp quý tộc, giai cấp bình dân và nô lệ. Về cơ bản có thể nói đến hai giai cấp đối kháng trong xã hội Lưỡng Hà là giai cấp chủ nô và giai cấp nô lệ. Nô lệ là tài sản thuộc sở

hữu của chủ nô, phải phục tùng chủ nô về mọi mặt. Chủ nô là giai cấp thống trị, muốn duy trì trật tự thống trị này bằng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó pháp luật được coi là một trong những biện pháp chủ yếu. Điều này được phản ánh một cách rõ nét trong Bộ luật Hammurabi, các quy phạm pháp luật của Bộ luật, dù là dân sự hay hình sự đều hướng tới sự điều chỉnh của mình vào việc bảo vệ quyền lợi của chủ nô. Nghĩa là, dù có những tính nhân văn nhất định, song về cơ bản thì bộ luật này được đưa ra để bảo vệ quyền lợi cho giai cấp cao hơn, cụ thể là giai cấp thống trị.

- **Ngoài ra**, bộ luật Hammurabi có sự kế thừa 2 bộ luật khác có từ trước đó, đặc biệt là những tiền lệ pháp, tập quán pháp của người Sumer trong xã hội trước đó.

* 4. Ý nghĩa và tính chất của bộ luật Hammurabi

❖ Ý nghĩa:

Bộ luật được xây dựng công phu, điều chỉnh và phản ánh sinh động các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của Vương quốc Babylon. Nhiều quy phạm chứa những giá trị tiến bộ, nhân đạo, đặc biệt về các quy định hôn nhân. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về tính giai cấp, bất bình đẳng như trong các quy định về hình sự và sự bất hợp lý trong các quy định về tố tụng.

Đây là bộ luật thành văn cổ nhất trên thế giới được tìm thấy, là một trong những thành tựu có giá trị bậc nhất của lịch sử văn minh cổ đại, giá trị bộ luật vẫn luôn được học tập, nghiên cứu, khai thác và kế thừa cho đến ngày nay.

❖ Tính chất:

Phạm vi của bộ luật là những quan hệ xã hội rộng, với bốn lĩnh vực chủ yếu là dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình và tố tụng. Về cơ bản bộ luật có những tính chất sau:

- (1) *Tính chất pháp lý cao*: là bộ luật cổ, chặt chẽ và hoàn chỉnh nhất của phương Đông cổ đại, đề cập đến nhiều phương diện của đời sống kinh tế, mỗi điều khoản được đưa ra đều đi kèm với trách nhiệm của 1 hoặc các cá nhân.

- (2) *Tính toàn diện*: nội dung của bộ luật đề cập đến mọi phương diện của đời sống kinh tế chính trị, văn hóa, xã hội với cách hành văn sáng sủa, dễ hiểu. Các điều luật được xây dựng theo phương pháp liên hoàn, móc xích với nhau, thể hiện tính chặt chẽ và có khả năng bao quát lớn. Ví dụ:

+ Kinh tế: Điều 121: Dân tự do gửi thóc ở nhà dân tự do, thì mỗi năm cứ mỗi guru thóc phải nộp 5 ca thuế kho; Điều 48: Đối với đất ruộng thì căn cứ theo thu hoạch để thu tô 1/2 hay 1/3 thì thu hoạch của ruộng đất sẽ do nông dân và chủ ruộng căn cứ theo tỉ lệ đã định để chia nhau.

+ Hôn nhân: Quy định thủ tục kết hôn phải có giấy tờ; Quy định người chồng không được bỏ vợ khi biết người vợ mắc bệnh phong hủi;

+ Kế thừa tài sản: Người đàn ông cũng có thể bỏ con/tước quyền thừa kế nhưng phải chứng minh được trước tòa đứa trẻ có hành vi không phải phép.

- (3) *Tính phổ biến*: các nhà cầm quyền khi ấy thực hiện các biện pháp để xã hội hóa bộ luật, ai cũng biết và ai cũng hiểu pháp luật và thực thi theo bộ luật.

- (4) *Tính chất thần thánh*: bộ luật chịu sự chi phối của tôn giáo trong khi định tội, những vấn đề khó giải quyết được thì sẽ để thần linh xét xử (như thả xuống dòng nước xiết, nếu sống sót thì được coi là vô tội)

=> Sự kết hợp giữa thần quyền, vương quyền và pháp quyền khiến bộ luật trở nên “linh thiêng hóa”

- (5) *Tính phân biệt giai cấp*: còn sự bất bình đẳng, nhiều điều luật bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị và các tầng lớp hữu sản. Trong cùng 1 tội, hai tầng lớp khác nhau sẽ bị xử khác nhau, tầng cao hơn sẽ bị xử phạt nhẹ hơn.

Ví dụ: Điều 198. Nếu tầng lớp cao hơn sở hữu ruộng đất làm hỏng mất của thường dân, họ chỉ phải nộp phạt một mina vàng.

- (6) *Tính nguyên thủy*: bộ luật có nhiều hình phạt khắc nghiệt, dã man mà chưa mang tính giáo dục, không cho con người cơ hội hoàn lương, xử phạt mức cao nhất để làm gương, đây cũng chính là tính phổ biến nhất ở các bộ luật cổ.

Ví dụ:

Điều 229. Nếu một người thợ xây dựng một ngôi nhà bị sập và giết chết chủ nhà, thì người thợ xây đó sẽ bị xử tử

Điều 230. Nếu con trai của chủ nhà bị chết trong vụ sập nhà, thì con trai của người thợ xây đó sẽ bị xử tử

- (7) *Tính nhân văn, tiến bộ*: Có những điều luật để bảo vệ 1 số quyền lợi của phụ nữ, phụ nữ được bảo vệ hơn so với các bộ luật khác lúc bấy giờ. Ngoài ra, việc một xã hội có sự phân chia giai cấp rõ rệt như thời bấy giờ thì quy định và trách nhiệm của thẩm phán thực sự là một bước tiến bộ lớn.

Ví dụ:

Điều 142. Nếu một người vợ có thể chứng minh sự vũ phu của chồng mình, thì cô ấy có thể lấy của hồi môn và trở về nhà của cha cô ấy

C. VĂN MINH ẤN ĐỘ

1. Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội tới sự phát triển của Văn minh Ấn Độ.

❖ Điều kiện tự nhiên:

- *Vị trí địa lý*: Bán đảo Ấn Độ có hình tam giác, nằm ở phía Nam châu Á, hầu như tương đối biệt lập, ngăn cách bởi dãy núi Himalaya cao nhất thế giới => còn được gọi là một “tiểu lục địa”. Bán đảo Ấn Độ rất rộng lớn với chiều ngang 2100 km và chiều dài lên đến 3000 km.

Ấn Độ bị chia cách với các khu vực còn lại của thế giới, liên lạc với bên ngoài bằng đường bộ gặp phải rất nhiều khó khăn. Phía Bắc và Đông Bắc là dãy núi Himalaya cao và đồ sộ, phía Tây Bắc là vùng rừng núi hiểm trở, phía Nam giáp biển Ấn Độ Dương. Vị trí địa lý hai mặt giáp biển nằm giữa đường biển từ Tây sang Đông đã tạo lợi thế cho Ấn Độ và điểm dừng chân bắt buộc trên con đường hàng hải Tây - Đông. Vị trí này khiến cho về sau, nền văn minh thế giới, đặc biệt là phương đông chịu nhiều ảnh hưởng bởi nền văn minh Ấn Độ.

Bán đảo Ấn Độ chia ra làm hai vùng Bắc - Nam với điều kiện tự nhiên rất khác biệt, lấy ranh giới là dãy núi Vindya.

+ Miền Bắc

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

Địa hình: Nhiều đồng bằng phù sa được bồi tụ bởi các con sông lớn: sông Ấn, sông Hằng, sông Jumma,...

Sông ngòi: Các dòng sông đều bắt nguồn từ dãy Himalaya, vào mùa hè, băng tuyết tan, nước sông dâng cao bồi đắp nên một vùng đồng bằng phì nhiêu. Trong số đó, sông Hằng được người Ấn Độ coi là dòng sông linh thiêng nhất.

Khí hậu: gồm 4 mùa, mùa hạ rất nóng và mùa đông rất lạnh. Vùng Tây Bắc, do chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sa mạc nên khí hậu khô nóng và hiếm mưa. Trong khi đó, vùng phía Đông Bắc, do chịu ảnh hưởng bởi gió mùa nên lưu vực sông Hằng có lượng mưa trung bình cao nhất thế giới, phù hợp nền nông nghiệp trồng lúa nước. Gió biển đem lại mưa, khí hậu dịu mát và nước sinh hoạt cho hai vùng duyên hải đông, tây.

Tài nguyên: giàu có với khoáng sản, gỗ, đá,...

=> *Điều kiện tự nhiên miền Bắc Ấn Độ rất phù hợp cho cuộc sống của con người, phù hợp cho sự ra đời của một nền văn minh lớn, xuất hiện sớm trong lịch sử nhân loại.*

+ Miền Nam

Địa hình: Đất đai khô cằn, chủ yếu là cao nguyên. Núi Vindya kéo dài thành cao nguyên Đêcan với bao gồm gần như toàn bộ miền Nam Ấn Độ với rừng rậm chiếm phần lớn diện tích. Hai dãy núi Đông Gat và Tây Gat chạy dọc ven biển. Khu vực duyên hải hẹp và dài ven biển miền Nam có địa hình thuận lợi hơn tập trung đông dân cư.

Sông ngòi: các con sông cao, dốc chảy giữa các cao nguyên, giá trị phù sa nghèo nàn.

Khí hậu: Nóng bức quanh năm, nhiệt độ trung bình trên 40°C, lượng mưa vô cùng ít ỏi, có những nơi hàng năm liền không có mưa.

=> *Điều kiện tự nhiên miền Nam Ấn Độ rất khó khăn cho sự phát triển cuộc sống của con người. Sự khắc nghiệt của tự nhiên in đậm dấu ấn trong lịch sử và văn hóa Ấn Độ, nơi mà “Con người ngòi mà tự thở thôi cũng khó”. Từ đó dẫn đến hệ quả người Ấn luôn mơ tưởng hướng tới sự giải thoát.*

+ Tổng kết

Thiên nhiên Ấn Độ vừa đóng kín, vừa cởi mở, vừa là một tiểu lục địa thống nhất, cách biệt với bên ngoài, vừa chia cắt và khác nhau bên trong, vừa hùng vĩ, vừa cực kỳ đa dạng.

Sông Ấn chính là cái nôi của nền văn minh Ấn Độ. Chính tại lưu vực con sông này, ngay từ đầu thiên niên kỷ thứ III TCN, nền văn minh đầu tiên của người Ấn Độ đã hình thành.

❖ Điều kiện xã hội

Cư dân Ấn Độ, về thành phần chủng tộc, gồm 2 loại chính:

- Người Đravida: chủ yếu cư trú ở miền Nam
- Người Arya: chủ yếu cư trú ở miền Bắc

Ngoài ra, còn có nhiều tộc người khác: người Hy Lạp, người Hung Nô, người Ả Rập,...

=> Vấn đề bộ tộc ở đây hết sức phức tạp, nhiều chủng tộc cùng chung sống dẫn đến tôn giáo, ngôn ngữ và văn hóa phong phú tạo nên nền văn minh Ấn Độ hết sức độc đáo và có sự ảnh hưởng lớn đối với văn minh thế giới.

2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Ấn Độ.

2.1. Chữ viết

- Chữ viết đầu tiên được sáng tạo từ thời văn hóa Harappa, tìm thấy trên các con dấu cổ này là một loại chữ dùng hình vẽ để ghi âm và ghi vần. Chức năng của các con dấu đóng trên hàng hóa để xác nhận hàng hóa và chỉ rõ nơi xuất xứ của mặt hàng đó.

- Đến khoảng thế kỷ thứ V TCN, xuất hiện loại chữ **Kharosthi**, phỏng theo chữ viết vùng Lưỡng Hà. Sau đó xuất hiện chữ **Brahmi**. Trên cơ sở chữ Brahmi, đặt ra chữ **Devanagari** có cách viết đơn giản, thuận tiện hơn. Đó là thứ chữ mới để viết tiếng **Sanskrit** hiện nay vẫn được dùng tại Ấn Độ và Nepal.

2.2. Văn học: Hai thành tựu rực rỡ nhất: Vêđa và Sử thi

- Kinh Vêđa: là các bài ca và các bài cầu nguyện với nội dung phản ánh bối cảnh xã hội Ấn Độ thời kỳ tan rã của chế độ công xã thị tộc, hình thành một xã hội có giai cấp và nhà nước; cuộc sống của nhân dân Ấn Độ tại thời điểm đó; chế độ đẳng cấp, việc hành quân hay một số mặt của đời sống xã hội

- Sử thi: Hai bộ sử thi rất nổi tiếng là Mahabharata và Ramayana được truyền miệng từ đầu thiên niên kỷ I TCN rồi được chép lại bằng chữ khắc

Ngoài ra, còn có nhiều thành tựu nổi bật như các tác phẩm của Calidasa và các tác phẩm văn học khác viết bằng các phương ngữ,...

2.3. Nghệ thuật

- **Kiến trúc**: Tiêu biểu nhất là các công trình kiến trúc tôn giáo như trụ đá Asoka, chùa hang Ajanta, các đền thờ của đạo Hindu,... Các công trình kiến trúc thường kết hợp với điêu khắc, hội họa. Thời kỳ Môngôn, công trình kiến trúc tiêu biểu nhất được xây dựng là lăng Taj Mahal.

- **Điêu khắc**: Nghệ thuật tạo hình của Ấn Độ chủ yếu khắc họa các nội dung tôn giáo song vẫn thể hiện tính hiện thực rõ nét. Tiêu biểu là các bức tượng Phật, tượng thần Shiva, Vishnu,... của đạo Hindu với nhiều mắt, nhiều đầu, nhiều tay,...

2.4. Khoa học tự nhiên

- **Thiên văn học**: xác định được một năm chia là 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày, mỗi ngày 30 giờ, cứ 5 năm thì thêm 1 tháng nhuận. Ngoài ra, đặt được một số thành tựu trong quan trắc thiên văn như biết trái đất, mặt trăng có hình cầu, phân biệt được một số hành tinh và sự vận hành của chúng.

- **Toán học**: sáng tạo ra hệ thống chữ số mà chúng ta sử dụng ngày nay, tính được một cách chính xác số pi bằng 3,1416 và biết tính diện tích một số hình, quan hệ giữa các cạnh của một tam giác vuông

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

- **Vật lý học:** Các nhà khoa học kiêm triết học của Ấn Độ cổ đại đã nêu ra thuyết nguyên tử và biết được sự tồn tại của lực hút trái đất

- **Y dược học:** đã có những hiểu biết quan trọng về y học, chữa được nhiều loại bệnh, đặc biệt đã biết dùng tới phẫu thuật.

2.5. Tôn giáo

Ấn Độ là nơi ra đời của nhiều tôn giáo trong đó quan trọng nhất là đạo Bà La Môn (sau là đạo Hindu) và đạo Phật. Ngoài ra còn một số tôn giáo khác như đạo Jain, đạo Xích. Các tôn giáo có vai trò quan trọng và chi phối cả đời sống chính trị - xã hội của nhân dân Ấn Độ. Nhiều tôn giáo đã vượt ra ngoài phạm vi Ấn Độ trở thành tôn giáo mang tính quốc tế.

Vai trò, sự ảnh hưởng của đạo Hindu và Phật giáo:

- Đạo Hindu: Đạo Hindu trong suốt chiều dài lịch sử được coi là tôn giáo chủ yếu ở Ấn Độ, một trong những tôn giáo lớn trên thế giới. Tín đồ của đạo Hindu có ở Ấn Độ, Băng-la-đét, Sri Lanka, Indonesia và một bộ phận người Chăm ở Việt Nam.

- Đạo Phật: Phật giáo có sự truyền bá và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài Ấn Độ. Hiện nay, Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới với số lượng tín đồ đông đảo. Nhiều quốc gia đã chọn Phật giáo làm quốc giáo như Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka,... Ngày Tam hợp của đức Phật (Phật đản sinh, thành đạo, nhập diệt) đã được Liên hợp quốc công nhận là ngày lễ tôn giáo mang tính quốc tế.

* 3. Bối cảnh ra đời và nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo

❖ Bối cảnh ra đời:

a) Xã hội:

- Các vương quốc ở lưu vực sông Hằng luôn mâu thuẫn, cạnh tranh và thôn tính lẫn nhau làm tình hình chính trị bất ổn, tâm lý dân chúng bất an.

- Mâu thuẫn giữa đẳng cấp tăng lữ với quý tộc và sự phân hoá giai cấp mạnh mẽ.

+ Tăng lữ: thao túng toàn bộ đời sống chính trị, tinh thần, vơ vét tài sản, bắt dân chúng nộp thuế cao và nghĩa vụ khác.

+ Quý tộc: bảo vệ và trực tiếp cai trị đất nước, là người giữ vai trò quyết định trong chiến tranh nhưng địa vị lãnh đạo lại không rõ ràng do ở dưới đẳng cấp tăng lữ.

+ Dân thường: Cuộc sống không ổn định do chiến tranh, mất mùa nhưng thuế không giảm và những áp lực của tôn giáo đè nặng.

+ Nô lệ: là kẻ thấp hèn, có một số dân thường bị phá sản trở thành nô lệ, một số phải đi ăn xin. Họ chịu cuộc sống cực khổ dẫn đến tâm lý chán nản tuyệt vọng. Vì thế, chế độ đẳng cấp trở thành nỗi bức xúc lớn trong xã hội lúc bấy giờ.

Sự tồn tại của chế độ đẳng cấp Varna khiến tình trạng bất bình đẳng trong xã hội. Sự cùng khổ của các đẳng cấp dưới. Sự bất lực trong đấu tranh khi các cuộc đấu tranh trước đó đều thất bại.

=> Tìm con đường giải thoát bằng tôn giáo

b) Kinh tế

- Công cụ bằng kim loại đã làm thay đổi bản chất của sản xuất.

- Nhiều ngành kinh tế đã ra đời và ngày càng mở rộng, làm xuất hiện tầng lớp mới, trong đó có thương nhân. Thương nhân là tầng lớp có tiềm lực về kinh tế, nên muốn thay đổi địa vị trong hệ thống đẳng cấp. Tầng lớp này lúc đầu không được xếp vào đẳng cấp nào và cuối cùng bị đẩy xuống đẳng cấp nô lệ, đẳng cấp thấp hèn nhất.

c) Tôn giáo (tiền đề tư tưởng):

- Cuộc sống khổ cực càng làm cho nhân dân lao động thêm căm ghét những kẻ bóc lột mình, oán ghét chế độ đẳng cấp, không còn tin vào các vị thần Bàlamôn. Những nghi lễ phức tạp, những nghi thức phiền toái, giáo lý ngày càng khó hiểu làm cho người dân ngày càng xa rời tôn giáo này.

- Trong bối cảnh đó vào thế kỷ VI TCN ở Ấn Độ đã xuất hiện nhiều trường phái tôn giáo, triết học mới chủ trương xa lánh thực tại, khổ hạnh, ép xác, tiêu cực, tự kỷ nhưng có 1 điểm chung là trực tiếp và gián tiếp chống lại đạo Bàlamôn và chế độ đẳng cấp, Phật giáo cũng là một trong những trào lưu đó

Nói chung, nguyên nhân khiến cho Phật giáo được chấp nhận ở AD là vì:

- Giai cấp cầm quyền cho rằng Phật giáo không làm tổn hại đến lợi ích của họ, đồng thời cũng không hài lòng với địa vị ưu đãi của những người theo đạo Bàlamôn nên họ ủng hộ đạo Phật.

- Học thuyết Phật giáo có nhiều điểm phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nên được quần chúng hoan nghênh.

Người sáng lập: Theo truyền thuyết, người sáng lập ra đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa Cô Ta Ma sau khi trải qua quá trình tu hành, giác ngộ chân lý và lẽ sống sinh tử, người bắt đầu đi truyền bá, giảng dạy giáo lý và xưng pháp hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Các tín đồ Phật giáo lấy năm 544 TCN là năm thứ nhất theo Phật Lịch, họ cho đây là năm mà Đức Phật đã nhập niết bàn.

❖ Nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo:

- **Thế giới quan:** mọi vật việc đều do nhân duyên hòa hợp lại mà thành. Tâm là nguồn gốc của vạn vật, mà tâm chỉ có ở con người nên con người là nguồn gốc của vạn vật, khác với các tôn giáo khác: thần thánh tạo ra con người.

- + **Chủ trương Vô tạo giả:** vũ trụ, vạn vật, con người ko phải do vị thần linh nào sinh ra => Phủ định thuyết thần sinh ra vạn vật và con người của đạo Bà-la-môn và những tôn giáo lớn khác.

- + **Thuyết Vô ngã và Vô thường:** **Vô ngã** là không có những thực thể tồn tại một cách cố định. Con người cũng chỉ là thụ thể tập hợp bởi Ngũ uẩn chứ không phải là một thụ thể tồn tại lâu dài, điều này rất biện chứng và duy vật, phủ nhận sự tồn tại vĩnh viễn của linh hồn cá thể, ko có linh hồn bất tử. **Vô thường** là mọi sự vật đều ở trong quá trình sinh ra, biến đổi và tiêu diệt chứ không bao giờ ổn định - quan điểm đạo Phật về sự chuyển hóa của thế giới vật lý, đây chính là tính khoa học tiêu biểu của Phật giáo.

=> Đạo Phật là một tôn giáo vô thần và vai trò của con người là ở vị trí trung tâm (Khác với các tôn giáo khác lúc bấy giờ)

- **Nhân sinh quan:** với tư tưởng trung tâm là lý giải về chân lý và tìm con đường giải thoát khỏi sự khổ đau. Một trong những giáo lý quan trọng nhất của đạo Phật là Tứ diệu đế, bao gồm: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

+ **Khổ đế:** Chỉ ra các nỗi khổ của con người; Sinh, lão, bệnh, tử, oán, cầu,... đều là khổ, khổ là vô cùng, vô tận.

+ **Tập đế:** Nguyên nhân của sự khổ; con người khổ là do con người “vô minh”, “tham ái”, Ham muốn - Nghiệp - Luân Hồi

+ **Diệt đế:** Cách thức để con người tự chấm dứt nỗi khổ -> chấm dứt mọi ham muốn (= tư tưởng giải thoát)

+ **Đạo đế:** Con đường diệt khổ, gồm Bát chính đạo + Ngũ giới + Lục độ + Thập thiện.

- **Quan điểm xã hội:** Phật giáo không quan tâm đến chế độ đẳng cấp vì cho rằng nguồn gốc xuất thân của mỗi người không phải là điều kiện để được cứu vớt. Tất cả mọi người đều bình đẳng một khi đã tu hành theo học thuyết của Phật. Đạo Phật mong muốn một xã hội cai trị bởi vị vua có đạo đức, nhân dân được an cư lạc nghiệp (tính khoa học).

- **Giới luật:** đức Phật dạy tín đồ Phật tử hành trì Ngũ giới (5 giới luật của đạo Phật) là: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

- **Hệ thống giáo lý:** cực kỳ đồ sộ, nhưng tập trung chủ yếu trong Tam tạng Kinh điển:

+ Kinh: ghi lại lời giảng của đức Phật

+ Luật: giới luật của người tu hành do đức Phật đề ra và được phát triển thêm

+ Luận: do các tu sĩ Phật giáo luận bàn, phát triển các tư tưởng, triết lý của tôn giáo này.

*** 4. Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ và sự truyền bá tôn giáo này ra bên ngoài.**

❖ Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ

- Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ khoảng giữa thiên niên kỷ I TCN, vào thời điểm rất hưng thịnh của đạo Bàlamôn và chế độ đẳng cấp. Với giáo lý đề cao lòng từ bi của con người với đồng loại, chống lại chế độ đẳng cấp, với tinh thần bác ái, đạo Phật nhanh chóng chinh phục được đông đảo các tầng lớp nhân dân Ấn Độ từ vua chúa đến nhân dân lao động.

- Từ thế kỷ V TCN đến thế kỷ V SCN là quá trình truyền bá và phát triển đạo Phật, từ khi Đức Phật viên tịch cho đến khi đạo Phật không còn phổ biến ở Ấn Độ. Quá trình đó trải qua 4 hội nghị kết tập.

- Thế kỉ III đến thế kỉ II TCN, Phật giáo trở thành quốc giáo của Ấn Độ, đặc biệt phát triển rực rỡ dưới triều vua Asoka.

- Đến Đại hội kết tập kinh điển lần thứ IV, tức là khoảng 100 năm sau CN, Phật giáo bắt đầu có sự phân chia thành hai phái Tiểu thừa và Đại thừa với nhiều quan điểm khác nhau về cảnh giới Niết Bàn, về sự “tự giác giác tha”, một số nghi thức,...

- Đến khoảng thế kỉ VI, Phật giáo suy tàn và biến mất ở Ấn Độ. Có nhiều nguyên nhân lý giải cho việc Phật giáo bị tiêu diệt ở chính mảnh đất mà tôn giáo này sinh ra và phát triển đến cực thịnh:

Sự đấu tranh về mặt tư tưởng gay gắt giữa Phật giáo và Hindu giáo đặc biệt xoay quanh vấn đề chế độ đẳng cấp. Đạo Hindu đã có sự thay đổi cả về giáo lý để

giành chiến thắng trong cuộc đấu tranh ấy. Họ tuyên truyền Đức Phật là một kiếp hóa thân của vị thần Vishnu, lôi kéo các tín đồ Phật giáo quay lại với đạo Hindu. Bên cạnh đó, đẳng cấp Bà La Môn cũng có sự thỏa hiệp, nhượng bộ với giai cấp thống trị Sát Đế Lì để ngược đãi các tín đồ Phật giáo, bôi nhọ, hạ nhục các giáo lý, tu viện Phật giáo.

Sự truyền bá mang tính bạo lực của Hồi giáo đã phá hủy nhiều chùa chiền, tu viện, thánh tích của Phật giáo.

Đến thế kỷ thứ VI, Phật giáo ở Ấn Độ đã bắt đầu có sự chia rẽ, hình thành nhiều tông phái mới, tư tưởng của Phật giáo nguyên thủy ít nhiều bị biến đổi, phức tạp, trộn lẫn với tư tưởng của một số tôn giáo khác. Một số ý kiến cũng cho rằng, sự suy tàn của đạo Phật cũng bắt nguồn từ sự suy đồi của một bộ phận tu sĩ Phật giáo, xa lìa những giới luật của đức Phật.

❖ Sự truyền bá của Phật giáo ra bên ngoài

- Từ nửa sau thế kỷ III TCN, tức là sau Đại hội lần thứ III, đạo Phật được truyền đến Sri Lanka sau đó truyền bá vào Miến Điện, Thái Lan, Indonesia,...

- Cũng sau Đại hội kết tập kinh điển lần thứ IV, quá trình truyền bá Phật giáo qua nước ngoài ngày càng phát triển. Đạo Phật được truyền bá mạnh mẽ sang Trung Á, Trung Quốc, Đông Nam Á...

=> Phật giáo có sự truyền bá và ảnh hưởng mạnh mẽ ra bên ngoài Ấn Độ. Hiện nay, Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới với số lượng tín đồ đông đảo. Nhiều quốc gia đã chọn Phật giáo làm quốc giáo như Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka,... Ngày Tam hợp của đức Phật đã được Liên hợp quốc công nhận là ngày lễ tôn giáo mang tính quốc tế.

*** 5. Từ nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo. Hãy nêu suy nghĩ về: Mặc dù Phật giáo chưa hoàn toàn khoa học nhưng trên nhiều phương diện, Phật giáo đã có tính khoa học mạnh mẽ.** (Phân tích bối cảnh lịch sử, nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo giống câu 3)

Nhận xét quan điểm về Phật giáo

❖ Chưa khoa học:

- Những quan niệm trong giáo lý Phật giáo chưa được xác thực tính đúng đắn hoàn toàn bởi nó mới được kiểm chứng bằng sự quan sát và suy ngẫm thay vì các phương pháp thực nghiệm khoa học. Ví dụ: Tập đề cho rằng nguyên nhân của nỗi khổ là luân hồi, mà nguyên nhân của luân hồi lại là nghiệp. Đây chỉ là một niềm tin mà đạo Phật tự đặt ra mà không có minh chứng nào giải thích được có thật là có việc luân hồi hay không

- Phật giáo chủ trương loại bỏ mọi ham muốn để thoát khỏi nỗi khổ, nhưng loại bỏ mọi ham muốn thì thế giới không thể tiếp tục vận động và phát triển.

❖ Tính khoa học chặt chẽ:

- Theo thuyết Vô tạo giả trong Phật giáo cho rằng thế gian này không do Đấng Sáng Tạo hay bất kì ai tạo ra cả. Đây là điểm khác biệt với nhiều tôn giáo khác, và cũng là quan điểm phù hợp với giới khoa học.

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

- Phật giáo hướng đến việc giải quyết các vấn đề của con người thông qua các chiêm nghiệm, chân lý (tương tự đối với khoa học thì nó là các định lý, định luật)

- Những chân lý trong đạo Phật không phải ngẫu nhiên hay tự đặt ra, mà được rút ra bằng cách: quan sát thế giới bên ngoài một cách khách quan và chỉ đưa ra các chân lý sau khi đã nghiên cứu và xác chứng tính thực tại của nó.

VD: Hệ thống tu tập tâm của Phật giáo

- Giáo lý Phật giáo là một hệ thống bài bản và logic, có sự lập luận chặt chẽ, rõ ràng:

- + Trong Tứ diệu đế có Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế lần lượt nêu ra bản chất của loài người là nỗi khổ, nguyên nhân của nỗi khổ là tham sân si, vậy thì cách diệt nỗi khổ chính là diệt tận gốc tham sân si, và cuối cùng là nêu ra cách để diệt tham sân si thông qua Bát chính đạo.

- + Từ nền tảng Thuyết duyên khởi (mọi vật đều do nhân duyên hòa hợp mà thành) mà suy ra được 3 thuyết: vô tạo giả (thế giới tự nhiên mà có, không do ai tạo ra cả); vô ngã (con người cũng do nhân duyên mà kết hợp thành, vì thế cũng chỉ là tập hợp của ngũ uẩn); vô thường (vạn vật luôn biến đổi không ngừng, không có gì là vĩnh cửu)

- Ai cũng có thể học học thuyết của Phật và được cứu vớt, không phân biệt tầng lớp (giống như khoa học là dành cho tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo, giới tính, độ tuổi). Thậm chí còn vượt qua khoa học ở một số điểm:

- + Phật giáo vượt trên khoa học hiện đại ở việc nó chấp nhận lĩnh vực kiến thức rộng lớn hơn tinh thần khoa học.

- + Khoa học có xu hướng hướng ngoại và thường không xem xét nhu cầu để hòa hợp với môi trường và do đó thế giới xung quanh bị ô nhiễm, trong khi Phật giáo có xu hướng hướng nội và hướng tới sự phát triển nội tại của con người.

- + Khoa học không thể giúp con người chế ngự tâm mình và cũng không đưa đến sự kiểm soát đạo đức hay hướng đến mục đích thực sự của cuộc sống, nhưng Phật giáo lại làm được điều đó.

Giới khoa học cũng nói rằng: Nếu có một tôn giáo nào đáp ứng được nhu cầu của khoa học hiện đại, thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần từ bỏ quan điểm của mình để đi theo khoa học. Vì Phật giáo bao gồm cả khoa học, cũng như vượt qua cả khoa học.

*** 6. Ảnh hưởng và vai trò của văn minh Ấn Độ đối với sự phát triển của văn minh phương Đông.**

❖ Cách thức để nền văn minh Ấn Độ được truyền bá rộng rãi sang các quốc gia phương Đông:

- *Ấn Độ chủ động đưa văn hóa, hóa văn minh của đất nước mình ra bên ngoài:* đối với khu vực Phương Đông nói chung và Đông Nam Á nói riêng, nghe từ khi bắt đầu công nguyên, từ cái nền chung là cơ tầng văn hóa bản địa thì những Cư dân ở đây đã bắt đầu gặp làn sóng văn hóa Ấn Độ Đến các khu vực này theo chân các thương gia và những nhà truyền đạo của Ấn Độ.

- + Một số thương nhân Ấn Độ đã đến khu vực này và hoạt động làm cho nền kinh tế cũng như việc trao đổi sản phẩm ở các khu vực này phát triển, đồng thời văn hóa Ấn Độ cũng theo đó mà tiến vào.

+ Một số nhà truyền đạo cũng theo các thuyền buồm đến Đông Nam Á, đồng thời một số thương nhân ở Việt Nam cũng sang Ấn Độ để giao lưu, nhờ đó mà tiếp thu được nền văn hóa Ấn Độ.

+ Ngoài ra nhiều bộ tộc ở Đông Nam Á còn tiếp nhận cách thức tổ chức xã hội và chính quyền của Ấn Độ để thành lập nên các quốc gia riêng, tuy nhiên để tổ chức một nhà nước vương quyền theo Ấn Độ thì không thể tách tôn giáo. Qua đó, đó là khi tạo dựng một quốc gia thì các cư dân Đông Nam Á đã tiếp nhận tôn giáo của Ấn Độ.

- *Lý giải việc Văn Minh Phương Đông tiếp nhận nền văn minh Ấn Độ*: giữa Ấn Độ và phương Đông đặc biệt là Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng với nhau sau đó tạo điều kiện tiếp nhận nền văn minh Ấn Độ:

+ **Vị trí địa lý**: Đông Nam Á nằm giữa trục giao lưu đông tây và nam bắc, Chấn từ rất sớm đã trở thành con đường giao thương trên biển nối không thể giới Đông Tây, sửa Trung Hoa vừa Ấn Độ, Ấn Độ và thế giới phương Tây I và trở thành ngã tư của các nền văn minh. nổi lên đó là mối quan hệ giao thương, buôn bán và đã là tiền đề, cơ sở để các cư dân Đông Nam Á tiếp thu, học hỏi nền văn hóa lớn của thế giới cổ đại lúc bấy giờ.

+ **Giao thông đường thủy**: khu vực Đông Nam Á nói chung và đặc biệt là bán đảo Đông Dương và các đảo trong vùng đều chịu ảnh hưởng của gió mùa. Những luồng gió theo mùa và định hướng đã tạo điều kiện cho con người có thể vượt biển bằng các phương tiện thô sơ, tạo điều kiện cho các hoạt động hàng hải và trao đổi với nhau, trong đó có nền văn hóa.

+ **Tộc người**: những tộc người ở Đông Á có quan hệ mật thiết với một số tộc người ở Đông Nam Á tiền sử tạo nên sự gần gũi trong phong tục, tập quán giữa hai khu vực. Chính những nét tương đồng này mà các nhà Du Thám, những nhà buôn, Những nhà truyền giáo và cả những đội quân xâm lược thực dân của phương tây đều coi Đông Nam Á là vùng Đông Á hay ngoại Ấn Độ, trong suốt một thời gian dài các nhà khoa học đã gọi các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á là quốc gia “Ấn Độ Hóa”.

+ **Hoạt động kinh tế**: cư dân phương đông bao gồm cả Ấn Độ có chung một nền tảng văn hóa, lấy sản xuất nông nghiệp làm phương thức hoạt động kinh tế chính.

Ngoài ra có thể lý giải điều này như sau: nền văn minh nào phát triển và rực rỡ hơn sẽ được các quốc gia trên thế giới tiếp nhận. tiêu biểu như đối với Ấn Độ bộ mà là nơi có nền văn minh vô cùng phát triển và rực rỡ ở trên tất cả các mặt về chữ viết, văn học, tôn giáo, nghệ thuật đồng thời với sự chủ động đưa nền văn minh của mình ra bên ngoài thì Ấn Độ đã nhận được sự tiếp thu mạnh mẽ của văn minh Phương Đông hay các quốc gia, khu vực khác trên thế giới.

Phương Đông và đặc biệt là Đông Nam Á chịu ảnh hưởng sâu sắc và tiếp nhận nền văn minh Ấn Độ nhưng không vì thế mà các vùng này biến thành khu vực “Ấn Độ hóa”, từ nền văn minh Ấn Độ, văn minh các nước phương đông có thêm luồng gió mới tạo nên sự đa dạng trong văn hóa mỗi nước.

❖ **Ảnh hưởng của văn minh AD đến sự phát triển của văn minh phương Đông:**

Ấn Độ là một đất nước có lịch sử từ lâu đời, là một trong những nền văn minh lớn của nhân loại. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực Nam Á vậy nên văn minh Ấn Độ không những ảnh hưởng trực tiếp mà còn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của văn minh phương Đông.

Văn minh Ấn Độ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình phân hóa xã hội, khi hình thành những nhà nước cổ đại đầu tiên ở Đông Nam Á: Nhiều quá trình giao lưu, buôn bán mà thương nhân các quốc gia Đông Nam Á có điều kiện được sang Ấn Độ để học hỏi, tiếp thu những thành tựu của đất nước này cho dân tộc mình; đồng thời thương nhân Ấn Độ cũng sang Đông Nam Á để truyền đạo và lập nghiệp. Quá trình đó tạo nên cơ hội để các quốc gia Đông Nam Á tiếp nhận các cấp tổ chức và xây dựng bộ máy nhà nước. Chính vì vậy mà ở giai đoạn này một số nhà nước được hình thành ở Đông Nam Á có mang tính chất vương quyền của Ấn Độ.

Sự hình thành và phát triển của nền văn minh phương đông gắn liền với việc tiếp thu ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ. Những ảnh hưởng này khá toàn diện và sâu sắc cả về triết học, tôn giáo, chữ viết, văn học, học nghệ thuật và khoa học tự nhiên.

- **Chữ viết:** Sớm được hình thành và thường được dùng để lưu trữ thông tin, văn học và lưu chuyển hàng hóa. Là cơ sở hình thành nên chữ viết Ấn Độ hiện nay, chữ Sanskrit của Ấn Độ đã tạo cơ sở để các nước Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng cho quốc gia mình.

- **Văn học:** Những thành tựu rực rỡ của kinh Vệ-đa và những tác phẩm sử thi nổi tiếng đậm đà bản sắc dân gian như Ramayana, Mahabharata... cũng tạo nên ảnh hưởng sâu sắc đối với các nước phương Đông, đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á. Văn học Ấn Độ được truyền bá đồng thời cùng các văn minh trên từ đó mang đến phong cách sử thi, anh hùng cho văn học phương đông.

- **Tôn giáo:** Các tôn giáo lớn ở Ấn Độ truyền đạo và các thương nhân mang đạo lan ra ngoài biên giới. Khi đạo Hindu trở thành quốc giáo của Campuchia, Thái Lan, ... Đạo Phật phát triển mạnh ở các nước như Việt Nam, Trung Quốc...

Những nét đặc sắc trong tôn giáo Ấn Độ được các quốc gia này tiếp thu và trên cơ sở đó hình thành những nét đặc sắc riêng trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng của dân tộc mình.

- **Nghệ thuật:** Ấn Độ được biết đến là một đất nước có nền nghệ thuật phát triển rực rỡ, nhiều thành tựu trong kiến trúc và điêu khắc. Các công trình kiến trúc và điêu khắc của Ấn Độ với những nét độc đáo trong và chịu ảnh hưởng bởi các tôn giáo lớn được các quốc gia Phương Đông học hỏi và áp dụng. Điều đó được thể hiện rất rõ khi phần lớn các công trình kiến trúc ở nhiều nước Đông Nam Á, đặc biệt những công trình mang tính tôn giáo đều mang đậm dấu ấn Ấn Độ.

- **Khoa học tự nhiên:** Thiên văn, vật lý, toán học, y học... cũng được các nước phương Đông tiếp thu và học hỏi. Một số tác phẩm về sử học, y học của Trung Quốc có sự học hỏi, vận dụng và tiếp thu từ Ấn Độ.

D. VĂN MINH TRUNG HOA

1. Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, xã hội tới sự phát triển của Văn minh Trung Hoa.

❖ **Điều kiện tự nhiên:** Trung Quốc là một trong bốn trung tâm văn minh lớn của phương Đông cổ đại bên cạnh Ai Cập, Ấn Độ và Lưỡng Hà.

- **Vai trò của các dòng sông:** các dòng sông đóng một vai trò quan trọng trong sự hình thành văn minh Trung Hoa cổ đại mà cụ thể là sông Hoàng Hà ở phía Bắc và sông Trường Giang ở phía Nam. Hai con sông này đều chảy theo hướng Tây – Đông, hằng năm đem phù sa bồi đắp cho những đồng bằng rộng lớn ở phía Đông Trung Quốc.

Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Cái nôi của nền văn minh Trung Hoa được hình thành ngay bên lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang.

- **Vị trí địa lý “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”**: với đường biên giới tiếp giáp với 14 quốc gia, 3 trong 4 biển lớn của Thái Bình Dương là Hoàng Hải, Hoa Đông và Biển Đông. Đặt nền tảng cho việc hình thành một nền văn minh lớn, phát triển rực rỡ trong lịch sử.

- **Lãnh thổ**: Trung Quốc ngày nay rất rộng lớn song trong lịch sử cổ đại (từ khoảng thế kỉ XXI TCN đến năm 221 TCN) lãnh thổ của người Trung Quốc nhỏ hơn rất nhiều, chủ yếu ở phía Bắc – lưu vực sông Hoàng Hà. Đến thế kỉ III TCN, cương giới phía Bắc của Trung Quốc chưa vượt qua Vạn lý trường thành, phía Tây mới đến Đông Nam tỉnh Cam Túc và phía Nam chỉ bao gồm một dải đất nằm dọc theo hữu ngạn sông Trường Giang.

- **Địa hình**: đa dạng và có sự phân hóa Đông – Tây sâu sắc

+ Phía Tây có nhiều núi và cao nguyên, khí hậu khô hanh.

+ Phía Đông là các bình nguyên, châu thổ phì nhiêu thuận lợi cho canh tác nông nghiệp.

- **Khí hậu**: đa dạng, phong phú. Đa số các vùng có đầy đủ 4 mùa rõ rệt, mùa đông lạnh giá, mùa hè nóng nực. Từ Bắc xuống Nam lần lượt là các khu vực khí hậu Hàn ôn đới, Trung ôn đới, Á nhiệt đới, Nhiệt đới. Ở các vùng núi cao như cao nguyên Tây Tạng, khí hậu có sự phân hóa theo độ cao.

=> Sự đa dạng của điều kiện tự nhiên tạo điều kiện hình thành nên sự đa dạng, phong phú của văn hóa Trung Quốc với nhiều màu sắc đặc trưng theo vùng miền.

❖ Điều kiện kinh tế

- Cơ sở nền kinh tế nông nghiệp, chịu sự chi phối sâu sắc của điều kiện tự nhiên. Nông nghiệp đặc biệt phát triển ở lưu vực các con sông lớn.

+ Phía Bắc là nền nông nghiệp ôn đới.

+ Phía Nam là nền nông nghiệp cận nhiệt, nhiệt đới.

Hình thái công cụ lao động phong phú, phát triển hoàn thiện từ các công cụ lao động thô sơ thời kỳ đầu như đồ đá, đồ đồng, đồ sắt,...

- Bên cạnh nông nghiệp thì kinh tế thủ công nghiệp cũng rất phát triển dựa trên nguồn tài nguyên phong phú, kỹ nghệ sản xuất hàng thủ công tinh xảo, nhiều mặt hàng của Trung Quốc đã đạt tới tiêu chí hoàn mỹ như gốm sứ, tơ lụa,...

- Thương nghiệp: giao thông buôn bán thuận tiện trên cả đường bộ và hàng hải. Ngay từ thời cổ đại đã hình thành nên con đường tơ lụa nổi tiếng, mang những hàng hóa của Trung Quốc ra với thế giới bên ngoài.

❖ Điều kiện xã hội: Trung Quốc là một trong những nơi từ rất sớm đã có sự cư trú của loài người.

- Bằng chứng khảo cổ: Năm 1929, các nhà khảo cổ đã tìm thấy ở Chu Khẩu Điếm (phía Nam Bắc Kinh) hóa thạch của người vượn cổ sống cách ngày nay khoảng 40 vạn năm. Năm 1977, hóa thạch của người vượn Nguyên Mưu được phát hiện có niên đại lên đến 1,7 triệu năm.

- Về mặt chủng tộc, cư dân ở lưu vực Hoàng Hà thuộc chủng tộc Mongoloit trong đó có hai tộc người được hình thành sớm nhất là người Hạ ở trung lưu Hoàng Hà và người Thương ở hạ lưu Hoàng Hà, đó là tiền thân của dân tộc Hán sau này.

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

Còn ở lưu vực sông Trường Giang thời cổ đại là địa bàn cư trú của các dân tộc Sở, Ngô, Việt,... cùng một số bộ tộc khác mà người Trung Quốc gọi là Man Di.

=> *Những điều kiện thuận lợi về cả tự nhiên, kinh tế và xã hội đã đặt nền tảng vững chắc dẫn đến sự hình thành một nền văn minh lớn – văn minh Trung Hoa – với nhiều thành tựu rực rỡ cống hiến cho lịch sử nhân loại.*

2. Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Trung Hoa.

Trung Hoa là một trong những cái nôi của lịch sử nhân loại. Văn minh Trung Hoa qua các thời kỳ đã có sự phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu sắc đến các nước trong khu vực nói riêng và thế giới nói chung với nhiều thành tựu rực rỡ.

2.1. Chữ viết:

Từ đời nhà Thương, người Trung Hoa đã có chữ Giáp cốt được viết trên mai rùa, xương thú, được gọi là Giáp cốt văn. Qua quá trình biến đổi, từ Giáp cốt văn hình thành nên Thạch cổ văn, Kim văn. Tới thời Tần, sau khi thống nhất Trung Quốc, chữ viết cũng được thống nhất trong khuôn hình vuông được gọi là chữ Tiểu triện.

2.2. Văn học:

Trung Quốc có nền văn học rất phong phú đó là nhờ vào chế độ thi cử và việc văn chương trở thành thước đo của tri thức. Các thể loại tiêu biểu: Thơ, Từ, Phú, Kịch, tiểu thuyết... trong đó tiêu biểu nhất là Kinh thi, Thơ Đường và Tiểu thuyết Minh - Thanh

- Kinh thi là tập thơ cổ nhất ở Trung Quốc do nhiều tác giả sáng tác thời Xuân Thu, được Khổng tử sưu tập và chỉnh lý.

- Thơ Đường là thời kì đỉnh cao của nền thơ ca Trung Quốc. Trong hàng ngàn tác giả nổi bật lên ba nhà thơ lớn đó là Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

- Tới thời Minh-Thanh, tiểu thuyết lại rất phát triển, tiêu biểu như Tam Quốc diễn nghĩa, Thủy Hử, Tây Du Ký, Hồng Lâu Mộng.

2.3. Sử học:

Trung Quốc là một nước rất coi trọng lịch sử, bởi vậy, sử học ở Trung Quốc phát triển rất sớm với một kho tàng sử sách rất phong phú:

- Thời Xuân Thu: nhiều nước đã đặt các quan chép sử, có ý thức về biên soạn sử. Trên cơ sở lịch sử nước Lỗ, Khổng Tử đã biên soạn ra Kinh Xuân Thu.

- Thời Hán: Tư Mã Thiên là một nhà viết sử lớn đã để lại tác phẩm Sử ký ghi chép lại lịch sử Trung Quốc từ thời Hoàng Đế đến thời Hán Vũ Đế (gần 3000 năm).

- Thời Đông Hán: có các tác phẩm như Hán thư của Ban Cố, Tam quốc chí của Trần Thọ, Hậu Hán thư của Phạm Diệp.

- Thời Minh – Thanh: có các bộ Minh sử, Tứ khố toàn thư đều là những di sản đồ sộ của Trung Quốc.

2.4. Khoa học tự nhiên

- **Toán học**

- Người Trung Hoa đã biết sử dụng hệ thống thập tiến vị từ rất sớm.

- Nhiều cuốn sách toán học như Chu bễ toán kinh, Cửu chương toán thuật cho thấy, họ đã biết đến phân số, mối quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác vuông, phép toán khai căn, phương trình bậc một, khái niệm về số âm và số dương,...

- Thời Nam – Bắc triều xuất hiện nhà toán học nổi tiếng là Tổ Xung Chi, ông đã tính được số pi bằng 3.14159265 đây là con số chính xác nhất thế giới thời kỳ đó.

- *Thiên văn học*

- Từ thời nhà Thương, người Trung Hoa đã vẽ được bản đồ sao với 800 vì sao, xác định được chu kỳ chuyển động của 120 vì sao => Từ đó, người Trung Hoa đã đặt ra lịch Can chi (âm lịch).

- Ngay từ thời cổ đại, một số nhà thiên văn đã phát hiện ra vết đen trên mặt trời, chế tạo ra dụng cụ dự báo động đất,... Năm 1230, Quách Thủ Kính đời Nguyên đã đặt ra Thụ thời lịch xác định một năm có 365,2425 ngày. Đây là một con số rất chính xác so với kết quả của các nhà thiên văn châu Âu cùng thời.

- *Y học*

- Thời Chiến Quốc đã có sách Hoàng đế nội kinh được coi là bộ sách kinh điển của y học cổ truyền Trung Hoa. Đến thời Minh, cuốn Bản thảo cương mục của Lý Thời Xuân ra đời, được đánh giá là bộ “Bách khoa về sinh vật” của người Trung Quốc thời đó.

- Nhiều thầy thuốc giỏi được truyền tụng như Biển Thước, Hoa Đà, Lý Thời Trân...

- Châm cứu là một thành tựu y học nổi bật và đặc sắc của người Trung Quốc.

2.5. Nghệ thuật

- *Hội họa*: Hội họa Trung Quốc có lịch sử 5000 - 6000 năm với các loại hình: bạch họa, bản họa, bích họa. Đặc biệt là nghệ thuật vẽ tranh thủy mặc, có ảnh hưởng nhiều tới các nước ở Châu Á. Cuốn Lục pháp luận của Tạ Hách đã tổng kết những kinh nghiệm hội họa từ đời Hán đến đời Tùy.

- *Điêu khắc*: Ở Trung Quốc cũng phân thành các ngành riêng như: Ngọc điêu, thạch điêu, mộc điêu. Những tác phẩm nổi tiếng như cặp tượng Tần ngẫu đời Tần, tượng Lạc sơn đại Phật đời Tây Hán (pho tượng cao nhất thế giới), tượng Phật nghìn mắt nghìn tay.

- *Kiến trúc*: Cũng có những công trình rất nổi tiếng như Vạn lý trường thành (tới 6700 km), Thành Tràn An, Cố cung, Tử cấm thành ở Bắc Kinh.

2.6. Kỹ thuật:

4 phát minh lớn của Trung Quốc là giấy, kỹ thuật in, thuốc súng và la bàn

=> Các phát minh trên đã giúp cải thiện đời sống của người dân Trung Quốc, đóng góp to lớn cho văn minh nhân loại. Các phát minh này góp phần vào công cuộc chinh phục tự nhiên, đấu tranh sinh tồn và phát triển của con người.

Francis Bacon đã chỉ rõ về nghề in, thuốc súng, la bàn – “Ba loại này đã thay đổi bộ mặt thế giới, loại thứ nhất trên bình diện văn học, loại thứ hai trên bình diện chiến tranh, loại thứ ba trên bình diện hàng hải...”

2.7. Tư tưởng – tôn giáo

Lịch sử tư tưởng Trung Quốc hết sức phong phú với các hệ tư tưởng học thuyết khác nhau trong đó nổi bật lên là tư tưởng Nho gia, Đạo gia, Pháp gia và Mặc gia. Các hệ tư tưởng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền văn minh Trung Hoa, có quan hệ mật thiết, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của nhân dân Trung Quốc nói riêng và nhiều nước khác trong khu vực.

2.8. Giáo dục

- Ngay từ thời Chu, nền giáo dục Trung Quốc đã có quy chế rõ ràng, các trường học được chia ra làm hai loại Quốc học và Hương học. Đến thời Xuân Thu, Khổng Tử là người đầu tiên mở trường tư.

- Cùng với sự phát triển của Nho giáo, nền giáo dục Nho học được đẩy mạnh và đề cao, hệ thống trường học, khoa cử được mở rộng không ngừng. Đến thời Tùy – Đường đã đặt ra chế độ khoa cử đầu tiên. Số khoa thi được tổ chức ngày càng nhiều, quy định chặt chẽ về hình thức và nội dung.

- Đến cuối đời Thanh, Nhà nước phong kiến đã học tập phương Tây cho xây dựng một số trường học kiểu mới như Kinh sư đồng văn quán,... Đến năm 1905, cùng với việc cải cách chế độ giáo dục, chế độ khoa cử ở Trung Quốc bị bãi bỏ.

*** 3. Bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Đông Chu và sự ra đời, quá trình phát triển và nội dung cơ bản của Nho Giáo.**

❖ Bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Đông Chu:

- Từ năm 770 TCN, vua Chu dời đô sang lạc ấp ở phía đông từ đó gọi là Đông Chu. Thời Đông Chu tương đương với hai thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc. Đây là thời kỳ nhà Chu ngày càng suy yếu. Trong khi đó giữa các nước chư hầu diễn ra cuộc nội chiến triền miên để giành chính quyền bá chủ, tiến tới tiêu diệt lẫn nhau để thống nhất TQ. Trong thời kì này, ở TQ xuất hiện nhiều nhà tư tưởng mới hướng tới thống nhất đất nước, ổn định trật tự xã hội. Và một trong những trường phái tư tưởng lớn nhất thời bấy giờ đó là Nho gia (Nho giáo).

❖ Sự ra đời của Nho giáo:

- **Tiền đề tư tưởng:** Cơ sở của Nho giáo được hình thành từ đời Tây Chu với sự đóng góp của Chu Công Đán (hay còn gọi là Chu Công). Đến thời Xuân Thu, Khổng Tử đã phát triển tư tưởng của Chu Công, hệ thống hóa và tích cực truyền bá tư tưởng đó. Chính vì thế, người đời sau tôn vinh Khổng Tử là người đã sáng lập ra Nho giáo. Các học thuyết của Khổng Tử được hoàn thiện bởi những người theo học hệ tư tưởng của ông sau này tiêu biểu như Mạnh Tử, Đổng Trọng Thư,...

- **Người sáng lập:** Khổng Tử - một nhà tư tưởng lớn đồng thời là nhà giáo dục lớn đầu tiên của Trung Quốc. Các tư tưởng, tác phẩm của Khổng Tử đã đặt nền móng cơ bản cho sự hình thành và phát triển của Nho giáo – hệ tư tưởng đã tạo ảnh hưởng sâu sắc đến đất nước Trung Quốc trong suốt hơn 2000 năm. Vì vậy, người đời sau tôn kính suy tôn Khổng Tử là Văn thánh.

❖ Nội dung cơ bản của Nho giáo:

- Về đạo đức:

+ Nội dung quan điểm đạo đức của Khổng Tử bao gồm rất nhiều mặt như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng,... nhưng quan trọng nhất là Nhân. Nhân có nghĩa là phải có lòng thương người, đối với bản thân phải “kiềm chế mình làm đúng theo lễ”. Ngoài ra, Nhân còn hàm chứa nhiều nội dung khác như cung kính, nghiêm túc thành thật, dũng cảm, rộng lượng, cần cù.

+ Bên cạnh Nhân, Khổng Tử còn rất chú ý đến Lễ. Lễ không phải là một tiêu chuẩn đạo đức độc lập mà là vấn đề luôn gắn liền với Nhân, là biểu hiện của Nhân. Lễ còn có thể hiểu là điều chỉnh đức nhân cho đúng mực.

- **Về đường lối trị nước:** Khổng Tử chủ trương “Đức trị”. Nội dung của đức trị gồm 3 điều: làm cho dân cư đông đúc, kinh tế phát triển, dân được học hành. Sau này, Mạnh Tử bổ sung trong chủ trương đường lối chính trị là Thống nhất, chấm dứt chiến tranh và dùng nhân chính để lập lại thái bình, thống nhất

- **Về giáo dục:** Khổng Tử là người đầu tiên sáng lập chế độ giáo dục tư, mở trường dạy học.

+ Mục đích của giáo dục: uốn nắn nhân cách và bồi dưỡng nhân tài.

+ Phương châm giáo dục: Tiên học lễ, hậu học văn; Học đi đôi với hành; coi trọng phương pháp giảng dạy; Khơi gợi tinh thần ham hiểu biết, lòng khiêm tốn của học trò,...

- **Về trật tự xã hội:** Nho giáo chủ trương nêu ra các phạm trù đạo đức như Tam cương, Ngũ thường, Lục kỷ nhằm ổn định các mối quan hệ trong xã hội:

+ Tam cương: Ba mối quan hệ phục tùng Vua – tôi, Cha – con, Chồng – vợ.

+ Ngũ thường: Năm tiêu chuẩn đạo đức thông thường nhất của người quân tử, bao gồm có Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

+ Lục kỷ: Sáu mối quan hệ với những người ngang hàng với cha, ngang hàng với mẹ, với anh em, họ hàng, thầy giáo và bạn bè.

=> Đây đều là những tiêu chuẩn đạo đức chủ yếu của Nho giáo, đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ trật tự của xã hội phong kiến ở Trung Quốc.

- **Quan niệm về người Quân tử:** Nho giáo cho rằng, để tổ chức xã hội có hiệu quả cần phải đào tạo ra những người cai trị kiểu mẫu – Quân tử. Để trở thành quân tử, con người phải trải qua quá trình tự đào tạo, tu thân sau đó hành đạo.

+ **Tu thân:** quá trình hoàn thiện bản thân trong đó người quân tử phải đạt được ba điều đó là: Đạt Đạo; đạt Đức; Biết Thi, Thư, Lễ, Nhạc

+ **Hành đạo:** Tức là dấn thân vào con đường làm quan, làm chính trị, cống hiến cho đất nước.

=> Tóm lại, nội dung của của Nho giáo được thu lại trong 9 chữ: “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”

❖ Vai trò - ảnh hưởng

Nho học hay Nho giáo thực chất không phải là một tôn giáo mà chính xác hơn cả là một trường phái tư tưởng chính trị với chủ trương dùng đạo đức để cai trị đất nước, làm bệ đỡ về mặt tư tưởng. Nhờ có Nho giáo mà văn hóa giáo dục Trung Hoa đã có sự phát triển lớn.

Trong suốt 2000 năm là hệ tư tưởng chỉ đạo đường lối trị nước ở Trung Quốc, Nho giáo đã đóng góp quan trọng về các mặt tổ chức xã hội, bồi dưỡng đạo đức, phát

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

triển văn hóa, giáo dục. Cùng với đó, Nho giáo không chỉ phát triển trong phạm vi đất nước Trung Quốc mà có sự truyền bá và sức ảnh hưởng sâu sắc đến chính trị xã hội của các quốc gia lân cận như Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, đến cuối thời kỳ phong kiến, do tính chất bảo thủ, cứng nhắc, Nho giáo đã ràng buộc tư tưởng con người trong những khuôn phép chật hẹp, lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của xã hội.

*** 4. Ảnh hưởng của Nho giáo trong lịch sử và xã hội Trung Quốc và một số quốc gia Phương Đông.**

❖ Ảnh hưởng của Nho giáo đến lịch sử xã hội Trung Quốc

➤ Ảnh hưởng của Nho giáo đến lịch sử Trung Quốc

- Là hệ tư tưởng chính thống của xã hội TQ trong suốt 2000 năm phong kiến. nó đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn bảo vệ trật tự xã hội phong kiến đồng thời có những đóng góp quan trọng về các mặt tổ chức xã hội, bồi dưỡng đạo đức, phát triển văn hóa giáo dục.

- Nhưng đến cuối xã hội pk, do mặt bảo thủ của nó, Nho gia có ảnh hưởng tiêu cực trong việc làm cho xã hội TQ bị trì trệ, ko nắm bắt kịp trào lưu văn minh thế giới.

➤ Ảnh hưởng của Nho giáo đến xã hội Trung Quốc

● Xã hội lúc bấy giờ

- Giá trị Nho giáo phản ánh rõ ràng qua những hình phạt khác nhau đặt lên những người có hoàn cảnh khác nhau

- Gia đình lý tưởng theo quan niệm của người TQ là “Tứ đại đồng đường”. Gia đình được tổ chức theo 2 nguyên tắc của Nho giáo: bậc trưởng thượng của thế hệ trước có uy quyền vs thế hệ sau và trọng nam hơn nữ.

- Phụ nữ bị cấm thi cử và ít có cơ hội học tập, phải nghe lời cha mẹ, chồng; hôn nhân do cha mẹ định đoạt.

- Nho giáo được xem là phương tiện quan trọng nhất để thăng tiến và tu dưỡng đạo đức.

- Thành phần then chốt trong cơ cấu xã hội là giới thân hào nhân sĩ.

● Xã hội hiện đại

- Có một số tư tưởng về đạo đức của Nho gia cho đến nay vẫn còn phù hợp: tiên học lễ hậu học văn, hay nhân, lễ nghĩa,..

- Nhưng bên cạnh đó những tàn dư của nó vẫn tồn tại (do đã ăn sâu vào tiềm thức con người hàng nghìn năm nên khó có thể từ bỏ ngay được) đã có ảnh hưởng không tốt trong các mối quan hệ trong trật tự xã hội hiện đại. Các hiện tượng như: trọng nam khinh nữ,.. vẫn tồn tại trong lòng xã hội hiện đại. những ảnh hưởng đó nếu không bị xóa bỏ thì sẽ ảnh hưởng vô cùng tiêu cực đến đời sống con người.

❖ Ảnh hưởng của Nho giáo vs các nước phương Đông:

➤ Việt Nam

- Ảnh hưởng tích cực:

Nho giáo đã thiết lập được kỷ cương và trật tự xã hội phong kiến. Nho giáo với các tư tưởng chính trị - đạo đức như "Chính danh", "Nhân trị", luôn luôn là bài học quý giá và được vận dụng trong suốt lịch sử Việt nam.

Bác Hồ khi kế thừa các tư tưởng triết học Nho giáo đã tinh lọc, loại bỏ những tư tưởng không phù hợp với thời đại và hoàn cảnh của Việt nam lúc bấy giờ.

Do tác động từ Nho giáo nên sự phân hóa xã hội ở Việt Nam thêm sâu sắc, hình thành tầng lớp nho sĩ, giai cấp quý tộc, quan lại theo hình mẫu Nho giáo, tồn tại bên cạnh các giai cấp, tầng lớp sản xuất của xã hội Việt Nam xưa (nông dân, thợ thủ công, thương nhân).

Cuối đời nhà Trần mở đình thi để chọn lấy tam khôi. Phép khoa cử đời nhà Trần về cơ bản là giống với khoa thi của nhà Nguyên.

"Tiên học lễ, Hậu học văn" Là khẩu hiệu của các trường học VN Từ xưa đến nay.

Tư tưởng "Trăm năm trồng người" và hữu giáo vô loại" (Dạy học cho mọi người không phân biệt đẳng cấp) của Khổng Tử đã được Đảng Cộng sản VN vận dụng trong công cuộc xây dựng đất nước.

- Ảnh hưởng tiêu cực:

Nho giáo góp phần không nhỏ trong việc duy trì quá lâu chế độ phong kiến ở á Đông nói chung và ở Việt nam nói riêng. Nho giáo cũng là một trong những nguyên nhân kìm hãm sản xuất phát triển ở Việt nam. Dưới ảnh hưởng của Nho giáo, truyền thống tập thể đã biến thành chủ nghĩa gia trưởng, chuyên quyền, độc đoán, bất bình đẳng. Phương pháp giáo dục thiên lệch của Nho giáo chỉ quan tâm tới đạo đức, học và dạy làm người mà không đề cập đến kiến thức khoa học kỹ thuật.

Về xã hội, quan điểm bất bình đẳng của Nho giáo đã chà đạp phụ nữ Việt Nam xuống đất đen. "Đạo" mà Nho giáo dành cho người phụ nữ là đạo tam tòng: "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". "Đức" mà Nho giáo dạy cho phụ nữ là tứ đức: "Công, dung, ngôn, hạnh".

➤ Hàn Quốc

- Nho giáo không chỉ có ảnh hưởng tới chính quyền trung ương mà còn ảnh hưởng tới từng gia đình, từng cá nhân. Nho giáo không chỉ được tiếp nhận những giá trị bên ngoài mà còn được người Triều Tiên bổ sung và phát triển sáng tạo, điển hình là sự ra đời của kiểu chữ viết riêng.

- Nội dung Nho giáo ảnh hưởng thời Joseon là lấy Trung và Hiếu làm hệ thống trật tự, coi đạo đức chuẩn là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Trường học Khổng giáo được trở thành kiểu trường học chính thống. Chế độ học và khoa cử Nho giáo được tổ chức, sắp xếp đào tạo ở mức độ cao hơn.

- Tư tưởng Trọng nam hơn nữ.

- Hết sức đề cao lễ nghi, Nho giáo cố gắng biến cho đời sống xã hội những truyền thống lễ nghi giá trị, mang tính giáo dục cao, được cụ thể hóa thành những phong tục, lối sống gắn bó mật thiết với cuộc sống hàng ngày.

➤ Nhật Bản

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

- Nho học dần dần được tầng lớp quý tộc Nhật Bản coi trọng. Năm 604, Thánh Đức thái tử đã dùng lý tưởng Nho học để đưa ra hiến pháp.

- Ở Nhật Bản, chữ Trung lại là đức mục được đề cao nhất.

- Nho giáo được coi là nền học vấn chính trong sách lược trị quốc của chính quyền. các tầng lớp bình dân, thường dân cũng xem trọng Nho giáo, lấy đó làm quy tắc ứng xử trong cuộc sống.

E. VĂN MINH Ả RẬP

*** 1. Hoàn cảnh lịch sử bán đảo Ả Rập (Thế kỷ VI - VII) và sự ra đời của đạo Hồi. Giáo lý cơ bản của đạo Hồi và sự truyền bá của Hồi giáo.**

1.1. Sự ra đời của đạo Hồi - nhà nước Hồi giáo thành lập

Quá trình thành lập của nhà nước Hồi giáo gắn liền với quá trình ra đời và phát triển của đạo Hồi do nhà tiên tri Mohammed truyền bá vào thế kỷ VII tại bán đảo Ả Rập. Nguyên gốc tiếng Ả Rập của tôn giáo này là đạo Islam có nghĩa là “phục tùng”. Tuy nhiên, do đạo này được biết đến ở Trung Quốc đầu tiên là tôn giáo của người Hồi Hột nên còn được gọi là đạo Hồi.

Tiền đề kinh tế - xã hội

+ Trình độ phát triển của các khu vực trên bán đảo Ả Rập vào thế kỷ VII không đồng đều. Vùng đất phía Nam thuận lợi phát triển nông nghiệp, cư dân sống định cư. Vùng đất phía Trung điều kiện kém hơn, dân cư chủ yếu sống du mục, phát triển kinh tế chăn nuôi.

+ Khu vực Mecca thuộc bán đảo Ả Rập có vị trí đặc biệt thuận lợi trong phát triển thương nghiệp, nằm trên con đường buôn bán chủ yếu từ Yemen đến Syria. Dân cư là người thuộc bộ lạc Corai, phần lớn đều theo nghề buôn bán, hoạt động thương mại. Sự phân hóa xã hội hình thành.

=> Giữa những bộ lạc du mục và cư dân định cư làm nghề buôn bán thường xuyên xảy ra tranh chấp, xung đột, tàn sát lẫn nhau. Cưỡng hiếp và cướp đoạt đã trở thành hành vi dần dần được cho là bình thường trong cuộc sống.

+ Trong bối cảnh xã hội rối loạn, các thế lực bên ngoài uy hiếp, đe dọa xâm lược bán đảo Ả Rập. Nguyên vọng chung của các giai tầng trong xã hội là thực hiện liên minh bộ tộc, xây dựng đất nước thống nhất để đối mặt với các nguy cơ xã hội đang trở nên gay gắt. Đây cũng là yêu cầu khách quan của tiến trình lịch sử.

Tiền đề tư tưởng

+ Trước khi đạo Islam ra đời, đa số người Ả Rập ở trên bán đảo theo tín ngưỡng tôn giáo nguyên thủy sùng bái đa thần. Mỗi bộ lạc thờ phụng một vị thần và vị thần đó cũng được tôn là tổ tiên của bộ lạc. Thần điện Kaabah ở trung tâm của Mecca là một khu kiến trúc ban đầu thờ một phiến đá đen với các tượng thần bộ tộc hằng năm đều được triều bái.

+ Đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc thờ một thần cũng đã sớm truyền vào bán đảo Ả Rập. Dưới ảnh hưởng của những bộ lạc Do Thái di cư đến đây, một bộ phận người Ả Rập gần khu vực của họ cũng đã cải đạo sang đạo Do Thái. Đến thế kỷ VI, đạo Do Thái đã có ảnh hưởng lớn ở Yemen, thu hút cả giai cấp thống trị. Các tư tưởng của đạo Do Thái, đạo Cơ Đốc đã có những ảnh hưởng nhất định tới giáo lý của đạo Hồi sau này.

Người sáng lập: Mohammed

+ Mohammed sinh năm 570 trong một gia đình quý tộc sa sút ở Mecca. Năm 25 tuổi kết hôn với một bà góa giàu có ở Mecca từ đó cuộc sống của ông ổn định, đi lên, tạo điều kiện cho hoạt động sáng tạo của Mohammed sau này.

+ Năm 40 tuổi (năm 610), Mohammed vào tu luyện trong một hang núi nhỏ ở ngoại thành Mecca. Trong một đêm, Allah đã cử thiên sứ Gabriel (hay Yibrail) đến truyền đạt Thánh dụ và “khải thị” cho ông về chân lý của kinh Coran. Từ đó về sau, Mohammed tự xưng là tiếp thu sứ mệnh của chân chủ trao cho và bắt đầu truyền bá đạo Islam.

+ Năm 622, quá trình truyền đạo của Mohammed bị tầng lớp quý tộc ở Mecca phản đối, hãm hại. Ông cùng các tín đồ (Muslim) phải rời Mecca đến Yathrib (sau đổi tên thành Medina nghĩa là thành phố tiên tri). Sự kiện này được coi là năm thứ nhất của kỳ nguyên Hồi giáo.

+ Tại Medina, Mohammed đã truyền bá được đạo Hồi vào đông đảo quần chúng, thành lập một lực lượng chính trị - tôn giáo do ông đứng đầu, đặt ra “Hiến chương Medina” quy định rõ các cách ứng xử, liên minh, quan hệ với bên ngoài,... Dần dần, Mohammed đã tổ chức vũ trang Muslim ở Medina với khẩu hiệu “Chiến đấu vì đạo của Allah”

+ Năm 630, Mohammed đem 10.000 người tiến xuống Mecca. Mecca không dám chống cự. Kết quả, Mohammed trở thành người đứng đầu của nhà nước Ả Rập mới thành lập. Các tượng thần bộ lạc trong đền Kaaba bị vứt đi, nơi đây trở thành thánh điện linh thiêng nhất của đạo Hồi.

+ Năm 632, Mohammed qua đời, từ đó những người đứng đầu nhà nước và tôn giáo ở Ả Rập (Calipha) tiếp tục kế thừa ông, truyền bá và phát triển đạo Hồi.

Giáo lý cơ bản của đạo Hồi: Hồi giáo là tôn giáo nhất thần tuyệt đối chỉ tôn thờ một vị Chúa trời duy nhất là Allah

Thế giới quan:

Đạo Hồi tiếp thu nhiều quan điểm của các tôn giáo khác trong đó có đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc về thuyết sáng tạo thế giới, thiên đàng và địa ngục, cuộc phán xét cuối cùng, thiên thần và ác quỷ,... Allah là người sáng tạo ra thế giới, tất cả những gì trên trời và dưới đất đều thuộc về Allah. Allah cũng sinh ra loài người và biết linh hồn của mỗi người sẽ đi về đâu.

Allah cũng có một số thiên thần giúp việc cho mình và làm sứ giả. Mohammed là sứ giả của Allah và là tiên tri của các tín đồ. Đạo Hồi thừa nhận trước Mohammed cũng có nhiều vị tiên tri như Abraham, Noah, Moise, Kitô nhưng Mohammed là nhà tiên tri cuối cùng và cũng là nhà tiên tri vĩ đại nhất.

Nhân sinh quan (Quan điểm xã hội)

Đạo Hồi thừa nhận chế độ đa thê nhưng chỉ cho lấy nhiều nhất là 4 vợ. Đàn ông Hồi giáo có thể kết hôn với phụ nữ của đạo Do Thái hoặc Cơ Đốc nhưng tuyệt đối không được cưới người theo đa thần giáo cũng như cấm việc cưới nàng hầu. Riêng Mohammed là ngoại lệ, ông có 10 vợ và 2 nàng hầu.

Nghĩa vụ tín đồ:

Cầu nguyện, bố thí, nhịn ăn và hành hương là 4 bổn phận của Hồi giáo. Thêm lòng tin vào Allah và nhà tiên tri Mohammed nữa thành 5 trụ cột của Hồi giáo

1. Thừa nhận chỉ có Allah, không có vị Chúa nào khác; thừa nhận Mohammed là sứ giả của Allah và là vị tiên tri cuối cùng. Đạo Hồi có một điểm đặc biệt là tuyệt đối không thờ ảnh tượng vì họ quan niệm rằng Allah tỏa sáng khắp mọi nơi và không có

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

hình tượng cụ thể. Trong thánh thất Hồi giáo chỉ trang trí bằng chữ Ả Rập chứ không có tranh.

2. Hàng ngày phải cầu nguyện 5 lần vào sáng, trưa, chiều, tối và đêm. Thứ sáu hàng tuần phải đến Thánh thất làm lễ một lần.

3. Mỗi năm đến tháng Ramadan phải trai giới 1 tháng, tháng Ramadan không tương ứng với dương lịch. Các tín đồ trong 29 ngày của tháng Ramadan phải nhịn ăn uống, hút thuốc, ham muốn từ khi mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn. Ngày đầu tiên sau tháng Ramadan là ngày phá giới, mọi người mặc quần áo mới ra đường chào hỏi, tặng quà lẫn nhau, bố thí cho người nghèo và đi tảo mộ.

4. Tín đồ phải nộp thuế cho đạo. Số tiền thuế thu được dùng để xây dựng Thánh thất, bố thí cho người nghèo, bù đắp các khoản chi tiêu của chính quyền

5. Trong suốt một đời người, nếu có khả năng thì phải hành hương đến Kaaba một lần. Đây là bổn phận thiêng liêng của người theo đạo Hồi.

Ngoài ra, tín đồ của đạo Hồi cũng phải tuân thủ theo một số luật lệ nghiêm ngặt khác như cấm ăn những con vật ăn thịt sống hay ăn tạp như chó, mèo, chuột, lợn,...

Kinh thánh Của đạo Hồi là kinh Coran (tiếng Ả Rập là Qu'ran) ghi lại những lời nói của Mohammed mà theo tín đồ Hồi giáo là lời phán bảo của Allah.

Quá trình phát triển và truyền bá Hồi giáo

- Thời kỳ đầu, Hồi giáo mới chỉ được truyền bá ở bán đảo Ả Rập. Sau đó, cùng với quá trình chinh phục lãnh thổ của người Ả Rập, đạo Hồi theo đó truyền bá khắp Tây Á, Trung Á, Bắc Phi và Tây Ban Nha.

Trong quá trình phát triển của mình, Hồi giáo chia thành hai dòng chính là Sunni và Shi'a.

- Hiện nay, Hồi giáo đã trở thành một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới với số lượng tín đồ đông đảo ở nhiều khu vực trên thế giới.

Vai trò và ảnh hưởng

- Hồi giáo đóng một vai trò quan trọng trong xã hội Ả Rập, được chọn làm quốc giáo của nhiều nước, chiếm đa số dân của hơn 40 nước châu Á và châu Phi.

- Hiện nay, Hồi giáo cũng là một tôn giáo đã và đang có những ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chính trị - xã hội trên thế giới.

*** 2. Đặc tính của nền Văn minh Ả rập Hồi giáo**

- (1) Nền văn minh ra đời muộn

+ Nằm giữa 2 trung tâm văn minh lớn

+ TK VII, bán đảo Ả rập mới chính thức thống nhất và thành lập nhà nước -> trở thành nền văn minh

+ Khu vực có điều kiện hết sức khó khăn: sa mạc, khí hậu khắc nghiệt... -> Di cư đến khu vực thuận lợi hơn

+ Khu vực thuận lợi cho kinh tế thương mại

+ Một số khu vực nhỏ thuận lợi -> đã xuất hiện nền văn minh nhưng đến TK VII thì cả bán đảo mới thống nhất thành nền văn minh lớn

- **(2) Nhà nước Ả rập** ra đời gắn liền vs sự ra đời của đạo Hồi: Tên gọi Nhà nước gắn liền với đạo Hồi: “Nhà nước Ả rập Hồi giáo”

- **(3) Đạo Hồi đóng vai trò hạt nhân** trong việc thống nhất bán đảo Ả rập và thành lập nhà nước Ả rập

- **(4) Đạo Hồi là sản phẩm của thời kỳ quá độ** từ xã hội thị tộc sang xã hội có giai cấp và nhà nước

+ Về chính trị - xã hội: Sự phân hóa xã hội gay gắt: quý tộc thị tộc và quý tộc thương mại >< quần chúng nhân dân (nông dân và nô lệ) => Nhu cầu thống nhất xuất hiện do các tác động chủ quan và khách quan:

a) Chủ quan

- Tầng lớp trên: cần hợp lực để chống lại các cuộc nổi dậy của quần chúng, bảo vệ chế độ tư hữu, bảo vệ trật tự xã hội

- Tầng lớp dưới: hợp lực để phá bỏ địa giới cũ giữa các bộ lạc để chia sẻ công bằng môi trường sống

b) Khách quan

- Năm 572, Ba Tư chiếm Yemen để kiểm soát con đường buôn bán

- Gây tổn thất lớn cho lợi ích của Quý tộc thương nghiệp

- Quý tộc thương nghiệp buộc phải liên kết chặt chẽ vs nhau để giành lại thị trường, tạo thành 1 thị trường thống nhất

Sự hợp lực trong buôn bán kinh doanh...

→ Các mối liên hệ kinh tế đã dần xóa nhòa mối quan hệ về huyết thống

→ Tất cả tình hình trên đưa xã hội thị tộc đến chỗ tan rã

→ Toàn xã hội Ả rập đã đứng trước nhu cầu liên kết thành 1 quốc gia thống nhất

+ Về tôn giáo: Đặc điểm tôn giáo của cư dân Ả rập là đa thần giáo và theo mỗi thị tộc, bộ lạc. Muốn thống nhất các thị tộc, bộ lạc thì yêu cầu phải bãi bỏ hết các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau của các bộ lạc để thiết lập nên 1 tôn giáo thống nhất. Nói 1 cách khác là phải có 1 tôn giáo thống nhất thì mới đủ sức quy tụ tất cả các thị tộc bộ lạc vào vs nhau

- **(5) Mohammed** là người đóng vai trò thống nhất toàn bộ bán đảo Ả rập, thành lập nhà nước và tôn giáo Đạo hồi

- **(6) Giáo lý “Nhất thần luận”** là nền tảng của sự thống nhất về tôn giáo

- **(7) Trong quá trình hình thành và phát triển ban đầu** của nhà nước Ả rập Hồi giáo, Mohammed đã xây dựng 1 chính thể thần quyền (trong đó chính trị và tôn giáo hợp nhất), Mohammed vừa là nhà lãnh đạo tối cao về tôn giáo, vừa là nhà chính trị kiêm chỉ huy quân sự tối cao

=> Là nền tảng, sức mạnh tạo nên sự thống nhất

- **(8) “Cuộc cách mạng tôn giáo”** mang ý nghĩa chính trị và kinh tế nhưng lại được tiến hành dưới vỏ bọc tôn giáo

- **(9) “Cuộc cách mạng tôn giáo” thành công** vì nó phù hợp vs tiến trình lịch sử chính trị - kinh tế của bán đảo Ả rập, đáp ứng được yêu cầu chủ quan và khách quan trên bán đảo

-> Dần dần được đông đảo các giai tầng ủng hộ và chấp nhận tôn giáo đạo Hồi

F. VĂN MINH HY-LA

1. Điều kiện hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp - La Mã.

❖ Hy Lạp

- Lãnh thổ: gồm: Nam **bán đảo Ban Căng, các đảo trên biển Êgiê và ven biển phía Tây Tiểu Á**. Trong đó trung tâm của đất nước là Nam bán đảo Ban Căng

- Địa hình: lục địa Hy Lạp **chia làm 3 khu vực**: Bắc bộ, Trung bộ (có những đồng bằng trù phú và các thành phố quan trọng và nổi tiếng đặc biệt là thành Athen) và Nam bộ (là một bán đảo hình bàn tay 4 ngón gọi là bán đảo Peloponnedo).

- Đất đai: Hy Lạp **không được phì nhiêu**, không thuận lợi cho việc trồng cây lương thực, **địa hình bị chia cắt thành nhiều vùng đồng bằng nhỏ hẹp**. Nhưng bù lại, Hy Lạp có nhiều vũng, vịnh, thuận lợi cho việc lập những hải cảng. Ở đây còn **có nhiều khoáng sản** lại tương đối dễ khai thác như đồng, vàng, bạc...

=> **Kinh tế Hy Lạp cổ đại chú trọng phát triển về công, thương nghiệp** hơn nông nghiệp, nhất là buôn bán đường biển.

- Về **dân cư**: dân Hy Lạp cổ đại gồm nhiều tộc người như người Eolien, Acheen, Dorien... Lúc đầu các tộc người này đều gọi theo tên riêng từ thời bộ lạc của mình, tới thế kỉ VIII-VII TCN các tộc người đó đều tự gọi một tên chung là Helen (Hellenes) và gọi đất nước mình là Hella (Hella) tức Hy Lạp

❖ La Mã

- **Bán đảo Italia**, nơi hình thành nhà nước La Mã cổ đại nằm ở Nam Âu như một chiếc chân người chìa ra Địa Trung Hải.

- Bán đảo Italia có **nhiều đồng bằng, tương đối thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp**, trong lòng đất lại **chứa nhiều khoáng sản**, thuận lợi cho nghề luyện kim. **Địa hình không bị chia cắt**, tạo điều kiện cho sự thống nhất. Bờ biển ở phía nam bán đảo có nhiều vịnh, cảng thuận tiện cho tàu bè trú ẩn khi thời tiết xấu.

=> Bán đảo Italia có điều kiện tiếp xúc với những nền văn minh phát triển sớm ở phương Đông.

- Cư dân: Người dân có mặt sớm nhất ở trên bán đảo Italia được gọi là **Italiot**, trong đó **bộ phận sống trên đồng bằng latium được gọi là người Latinh (Latin)**, ngoài ra còn có một số nhỏ người gốc Gôloa, gốc Hy Lạp.

2. Những thành tựu chính của Văn minh Hy Lạp - La Mã.

❖ Hy Lạp

- **Chữ viết**: Về chữ viết, người Hy Lạp cổ đại đã dựa trên hệ thống chữ viết của người Phenixi (Phoenicia) rồi cải tiến, bổ xung thành một **hệ thống chữ cái mới gồm 24 chữ cái**. Từ chữ Hy Lạp cổ sau này đã hình thành nên **chữ Latinh** và **chữ Slavơ**. Đó là cơ sở chữ viết mà nhiều dân tộc trên thế giới ngày nay đang sử dụng.

- **Văn học**: Văn học Hy Lạp cổ đại có thể chia ra làm ba bộ phận chủ yếu có liên quan với nhau, đó là thần thoại, kịch, thơ.

- **Sử học**: Từ thế kỉ VIII-VI TCN, lịch sử Hy Lạp chỉ được truyền lại bằng truyền thuyết và sử thi. Đến thế kỉ V TCN lịch sử ở Hy Lạp mới trở thành một bộ môn riêng biệt.

- **Kiến trúc, điêu khắc**:

Những công trình kiến trúc của Hy Lạp cổ đại nổi bật ở sự thanh thoát, hài hoà. Các công trình kiến trúc ở Hy Lạp cổ đại thường **được xây dựng trên những nền móng hình chữ nhật với những dãy cột đá tròn ở bốn mặt**. 3 kiểu cột mà ngày nay người ta vẫn thể hiện trong trường phái “cổ điển”: **Kiểu Đoric, kiểu Lonic và kiểu Coranh**.

Các nhà điêu khắc ở Hy Lạp cổ đại cũng để lại nhiều tác phẩm tới bây giờ vẫn xứng đáng là mẫu mực cho điêu khắc như các pho **tượng Vệ nữ ở Milô, tượng Lực sĩ ném đĩa,...**

- *Khoa học tự nhiên*: cống hiến cho nhân loại nhiều nhà bác học mà đóng góp của họ tới nay vẫn còn giá trị như: Euclid, Pythagoras, Thales,...

- *Triết học*: **Hy Lạp cổ đại là quê hương của triết học phương Tây**, ở đây có cả hai trường phái triết học duy vật và duy tâm.

❖ La Mã

- *Chữ viết*: Từ chữ Hy Lạp cổ, người La Mã đã đặt ra một loại chữ riêng của mình mà ngày nay ta quen gọi là **chữ Latinh**.

- *Văn học*: Văn học La Mã cổ đại cũng có nhiều thể loại như **thơ, kịch, sử thi**.

- *Triết học*: Các nhà triết học La Mã cũng đã kế thừa truyền thống của triết học Hy Lạp.

- *Luật pháp*: Bộ luật thành văn cổ nhất ở La Mã là bộ **Luật 12 bảng**.

- *Khoa học tự nhiên*: Các nhà khoa học người La Mã cũng có công sưu tập, tổng hợp những kiến thức khoa học khắp vùng Địa Trung Hải.

- *Y học*: Ông tổ của Y học phương Tây là Hippocrates. Cuốn Phương pháp chữa bệnh của Ông để lại đã được dùng làm sách giáo khoa cho nhiều trường đại học ở châu Âu mãi tới thời cận đại.

- *Kiến trúc và điêu khắc*: Một trong những giá trị kiến trúc của người La Mã thể hiện qua các cầu vòm bằng đá.

Điêu khắc La Mã có cùng phong cách với điêu khắc Hy Lạp. Những bức tượng còn lại ở thành Rôma và những phù điêu trên Khải hoàn môn là hiện vật tiêu biểu cho điêu khắc La Mã.

* 3. Bối cảnh xã hội La Mã và sự ra đời của đạo Cơ Đốc.

❖ Bối cảnh xã hội:

Năm 63 TCN, người La Mã thôn tính vùng Palestine. Sau khi bị người La Mã thống trị, đời sống của nhân dân ở vùng phía Đông Địa Trung Hải càng cực khổ.

❖ Sự ra đời của Kitô giáo (Cơ Đốc giáo)

➤ *Tiền đề tư tưởng*:

Cho đến đầu công nguyên, người La Mã vẫn tin đa thần. tuy nhiên, từ năm 63 TCN, La Mã thôn tính vùng Palestine, nơi mà từ thế kỉ 6 TCN, Cư dân đã theo một tôn giáo nhất thần gọi là đạo Do Thái.

Đạo Kitô ra đời tại Palestine, nơi mà từ thế kỉ VI TCN, cư dân Do Thái đã theo một tôn giáo nhất thần là đạo Do Thái thờ Chúa Giê-hô-va. Kinh thành của đạo Do

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

Thái gồm 3 phần: luật pháp, tiên tri, sự ghi chép Thánh tích. Về sau đạo Kito kế thừa kinh thánh của đạo Do Thái và gọi ba bộ phận ấy là Kinh Cựu ước.

Sau khi bị La Mã thống trị, đời sống nhân dân ở Palestine (phía Đông địa trung hải) càng cực khổ. Trong khi đó tư tưởng của phái triết học khắc kỷ với các nội dung như thần thống trị thế giới, sống nhần nhục chịu đựng là đức tính tốt đẹp, mọi người bình đẳng đang được lưu hành ở La Mã.

-> *Chính giáo lý của đạo Do Thái, tư tưởng của phái khắc kỷ và đời sống cực khổ không có lối thoát của nhân dân bị áp bức là những yếu tố dẫn đến sự ra đời của đạo Kitô.*

➤ **Người sáng lập**

- Theo truyền thuyết, người sáng lập ra đạo Kitô là chúa Giêsu. Đến năm 30 tuổi, chúa Giêsu vừa truyền đạo vừa chữa bệnh và có thể làm người chết sống lại. Chúa Giêsu bị Tòa án La Mã xử tử bằng cách đóng đinh lên thập giá. Sau khi được chôn 3 ngày chúa Giêsu sống lại, tiếp tục truyền giáo. 40 ngày sau, chúa bay lên trời. Sau đó các tông đồ của chúa tởa đi truyền giáo khắp đế quốc La Mã.

*** 4. Giáo lý cơ bản của đạo Cơ Đốc và những ảnh hưởng của tôn giáo này.**

- Những giáo lý cơ bản:

+ Kitô cho rằng chúa trời sáng tạo ra tất cả kể cả loài người, song họ thờ chúa 3 ngôi với việc đưa ra thuyết “tam vị nhất thể”, tức là chúa trời, chúa Giêsu và Thánh thần, tuy 3 nhưng vốn là 1. Đạo Kito cũng quan niệm thiên đường, địa ngục, linh hồn bất tử, thiên thần, ma quỷ.

+ Kinh thánh của đạo Kitô gồm 2 phần là: Cựu ước và Tân ước.

Cựu ước là kinh thánh của người Do Thái mà đạo Kitô tiếp nhận. còn Kinh Tân ước là kinh thánh thực sự của đạo Kitô. Kinh Tân ước vốn viết bằng chữ Hy Lạp, gồm có 4 phần: phúc âm, hoạt động của các sứ đồ, Thư tín và Khải thị lục.

+ Đạo Kitô có 7 nghi lễ quan trọng:

1. Rửa tội : nghi thức vào đạo
2. Thêm sức: củng cố lòng tin
3. Thánh thể: ăn bánh thánh
4. Giải tội: xưng tội để được xá tội
5. Xức dầu: xoa nước thánh vào người sắp chết
6. Truyền chức: phong chức cho giáo sĩ
7. Hôn phối

+ Về tổ chức: lúc đầu các tín đồ của Kito bao gồm: nô lệ, nô lệ được giải phóng, dân nghèo thành thị. Họ lập thành các công xã nhỏ giúp đỡ lẫn nhau và làm việc từ thiện.

- Những ảnh hưởng của Kitô giáo

Kitô giáo ra đời với những giáo lý của tôn giáo mình, từ chỗ bị chính quyền La Mã tàn sát đến năm 311, đã được chính quyền La Mã công nhận là tôn giáo hợp pháp với sắc lệnh Milano. Đến cuối thế kỷ 4 TCN, Kito chính thức được thừa nhận là quốc giáo của đế quốc La Mã.

Như vậy Kito có ảnh hưởng vô cùng to lớn cả trong lịch sử và hiện tại.

Đóng vai trò là bộ đỡ tư tưởng của giai cấp thống trị, Kitô giáo gắn liền với lịch sử phát triển xã hội của Phương tây suốt từ cuối thế kỉ 4 TCN cho đến hết thời kì phong kiến. sự chi phối của đạo Kitô có ảnh hưởng vô cùng lớn đến sự phát triển của tiến trình lịch sử phương Tây trong suốt một thời gian dài.

Hiện nay, Kitô giáo là tôn giáo lớn nhất trên thế giới với 1 tỉ 7 người tin theo. Hầu hết dân số châu âu hiện tại theo Kitô giáo. Kito ko chỉ chi phối đến đời sống tinh thần mà còn chi phối cả tình hình chính trị của một số quốc gia trên thế giới.

G. TÂY ÂU VÀ PHONG TRÀO VĂN HÓA PHỤC HƯNG

*** 1. Hoàn cảnh lịch sử của phong trào Văn hóa Phục Hưng.**

Từ thế kỉ V-IX (Sơ kỳ trung đại) là thời kì xác lập của chế độ phong kiến ở Tây Âu, sự ra đời của các vương quốc phong kiến ở Tây Âu được hình thành trên cơ sở đổ nát của chế độ chiếm hữu nô lệ Rôma và sự giải thể của chế độ thị tộc của người Giecmán.

Trong những TK III, IV, đế quốc Rôma đã rơi vào tình trạng khủng hoảng, đặc biệt từ cuối TK IV - đầu TK V, chế độ chiếm nô ở Tây bộ Rôma đã khủng hoảng trầm trọng trên tất cả các lĩnh vực. Cũng trong thời gian này, nhân sự suy yếu của đế quốc Roma, người Giecmán - những tộc người sống ở phía Bắc và Đông Bắc của đế quốc Rôma cổ đại từ nhiều thế kỉ trước, đã tràn vào một cách ồ ạt, chiếm đất của người Rôma.

Năm 476, đế quốc Rôma bị diệt vong, chế độ chiếm nô kết thúc ở khu vực địa Trung Hải, thời đại phong kiến bắt đầu ở Châu Âu.

Văn hoá Tây Âu thế kỉ V - X dựa trên nền tảng nền kinh tế tự cung tự cấp, sự giao lưu trao đổi rất hạn chế, văn hoá vì vậy cũng phát triển không đáng kể. Đồng thời văn hoá Tây Âu dưới thời Trung Đại bị giáo hội thiên chúa cưỡng đoạt, tư tưởng tình cảm con người bị ràng buộc bởi giáo hội.

Tới thế kỉ XIV, với sự phát triển kinh tế công thương ở các thành thị, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần dần hình thành và ngày càng lớn mạnh. Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản không còn chịu chấp nhận những giáo lý phong kiến lỗi thời, họ vận động khôi phục lại sự huy hoàng của văn hoá Tây Âu thời cổ đại. Họ tìm thấy trong nền văn hoá cổ đại những yếu tố phù hợp với mình, có lợi cho mình để đấu tranh chống lại những trói buộc của nền văn hoá trung cổ .

Phong trào Văn hoá Phục hưng xuất hiện đầu tiên ở Ý, vì ở đây thế kỉ XIV đã xuất hiện các thành thị tự do như những quốc gia nhỏ. Quan hệ sản xuất tư bản đã chiếm địa vị chi phối đời sống văn hoá. Ý lại là trung tâm của đế quốc Rôma cổ đại, vì vậy ở đây còn giữ lại nhiều di sản văn hoá cổ đại của Hy Lạp - Rôma, họ tìm thấy ở nền văn hoá cổ đại này có những yếu tố phù hợp và có lợi cho giai cấp của họ.

Vì vậy họ đã khởi xướng ngọn cờ “phục hưng văn hoá cổ điển” nhằm khôi phục lại sự huy hoàng của văn hoá Tây Âu thời cổ đại và đề cao tư tưởng nhân văn tư sản. Phong trào Văn hoá Phục Hưng bùng nổ (thế kỉ XIV-XVI). Từ Ý, phong trào lan sang Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức...

Lưu ý: nếu câu hỏi về cơ sở - điều kiện hình thành phong trào Văn hoá Phục Hưng thì vẫn có thể dùng các ý trên, tuy nhiên phân tích giống cơ sở hình thành các nền văn minh khác: Phân tích về thời gian diễn ra, khu vực có phong trào, nơi xuất hiện đầu tiên (lý do), các điều kiện tự nhiên, điều kiện ktxh (chú ý vấn đề giai cấp, phân

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

tầng giai cấp sâu sắc và tôn giáo chi phối) và các điều kiện khác dẫn tới phong trào Văn hóa PH, tính chất cơ bản, lãnh đạo, kẻ thù, mục tiêu, kết quả sơ lược (2 dòng là được), nhưng cơ bản là các ý trên. Ngoài ra có thể chú ý tìm hiểu thêm để ăn điểm, như là vấn đề Phong trào Văn hóa Phục Hưng thực chất là khởi đầu, cho những cuộc cách mạng của giai cấp tư sản trong tương lai.

*** 2. Nội dung tư tưởng, thành tựu và ý nghĩa của phong trào Văn hóa Phục Hưng.**

➤ Thành tựu:

Phong trào Văn hóa Phục Hưng là một phong trào rộng lớn nhiều mặt, trong đó ý thức hệ tư sản chiếm vị trí chi phối. Hay nói cách khác phong trào là một cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng của giai cấp tư sản nhằm chống lại Giáo hội Thiên chúa và chế độ phong kiến.

- ❖ **Về văn học:** Cả ba thể loại thơ, kịch, tiểu thuyết thời kì này đều có những thành tựu lớn gắn liền với những tác giả nổi tiếng.

Thơ: Alighier Dante (1256-1321) là người tiên phong trong văn học Phục Hưng Ý, với các tác phẩm như: Tập thơ Thần khúc với nội dung nói về tội ác của giáo hội,..

Truyện ngắn: Boccaccio (1313-1375) với tập truyện ngắn “Mười ngày” gồm 100 câu chuyện do ba chàng kỵ sĩ và bảy cô gái kể cho nhau nghe, chế giễu sâu sắc giáo hoàng, tăng lữ, lái buôn, quý tộc,... về thói tham lam, keo kiệt, dâm ô, đạo đức giả,..

Tiểu thuyết: Miguel de Cervantes (1547-1616) là một nhà văn lớn của Tây Ban Nha, tác phẩm nổi tiếng là Don Quijote thông qua chàng hiệp sĩ Đôn-ki-hô-tê tác giả đã phản ánh xã hội phong kiến Tây Ban Nha với những quan niệm lỗi thời cổ hủ đang nghiêng ngửa trong vũng bùn tôn giáo và phong kiến phản động.

Kịch: William Shakespeare (1564-1616) là một nhà viết kịch vĩ đại nước Anh, ông đã để lại 37 vở kịch với những loại như bi kịch, hài kịch, kịch lịch sử,.. với các tác phẩm như: Romeo và Juliet, Hamlet, Othello, Đêm thứ mười hai,... Các tác phẩm của ông cũng xoáy sâu vào chủ đề của xã hội phong kiến mục nát, những giáo lý trong xã hội. Hầu hết các giai cấp từ thương nhân tướng lĩnh cho đến các thành phần nhỏ bé trong xã hội đều được ông đưa vào trong tác phẩm của mình.

❖ Nghệ thuật:

Hội họa: Được đánh giá là thời kỳ hưng thịnh nhất của mỹ thuật thế giới, ý nghĩa của hội họa Phục Hưng giúp mang đến một trào lưu mới và ý tưởng mới ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Hội họa thời kỳ Phục Hưng mang một tư tưởng nhân văn to lớn: đề cao sức mạnh con người và ca ngợi chủ nghĩa anh hùng. Nét độc đáo trong thời kỳ hội họa này chính là bỏ đi lối vẽ chi tiết trước kia và chuyển sang lối vẽ khái quát hóa hình thức hoành tráng. Những bức họa Phục Hưng được đánh giá là tranh của sự mẫu mực cùng với tạo hình khốc liệt và sức mạnh về chiều sâu không gian.

Bên cạnh đó, hội họa Phục Hưng đã đóng góp một vai trò rất quan trọng trong công cuộc phát triển rất nhiều lĩnh vực trong đời sống hiện nay như: sáng tạo tranh sơn dầu, phát triển bộ môn giải phẫu tạo hình, phối cảnh, hình họa, luật xa gần, nhiếp ảnh,...

Đây cũng là thời kỳ sản sinh ra rất nhiều nhà nghệ thuật thiên tài nổi tiếng với nhiều tác phẩm để đời - những tác phẩm sống mãi với thời gian với các ngôi bút không ngừng tranh cãi của các nhà phê bình nghệ thuật hiện nay. Leonardo da Vinci (1452-1519) là một họa sĩ lớn tiêu biểu cho nền hội họa thời kỳ này. Tác phẩm tiêu biểu của ông là “Nàng Mona Lisa”. Ngoài ra còn có Michelangelo với “Ngày phán xét cuối cùng”...

Kiến trúc: Kiến trúc thời kỳ này mang đậm tính chất tôn giáo, đề cao sức mạnh và tài năng con người. Đặc biệt, phong cách này nhấn mạnh đến tính đối xứng, sự hài hòa của không gian sống. Bên cạnh đó, điểm hấp dẫn và mang đến sự độc đáo, mới lạ của kiến trúc này đó chính là sự sử dụng và phối hợp các hình khối trong thiết kế. Điều này vừa tạo nên sự khỏe khoắn vừa mang đến sự tinh tế cho các không gian kiến trúc khác nhau. Lịch sử kiến trúc Phục Hưng được hình thành và phát triển qua từng giai đoạn riêng và được chia làm 3 giai đoạn chính (Tiền Phục Hưng, Phục Hưng đỉnh cao và hậu Phục Hưng). Ở mỗi giai đoạn có những điểm đặc sắc riêng biệt và một phong cách thiết kế theo từng thời kỳ để tạo nên các công trình tiêu biểu mang những hình ảnh thiết kế đặc trưng cho lối kiến trúc này.

Một số kiến trúc sư tiêu biểu: Donato Bramante, Michelangelo, ... và công trình tiêu biểu như Quảng trường nghệ thuật – Thánh đường Vatican, Nhà thờ thánh Peter, Thư viện Laurentian...

Điều khắc: Thời điểm này, điêu khắc đã quay về những mẫu mực cổ điển và đề tài thế tục, nghiên cứu thân thể người và thí nghiệm kỹ thuật mới. Tuy nhiên, chủ đề chính vẫn dựa trên Kinh thánh và truyền thuyết cổ đại.

Nhu cầu điêu khắc trong thời kỳ Phục Hưng chủ yếu vẫn đến từ Giáo hội. Bên ngoài nhà thờ được trang trí bằng điêu khắc đá, không chỉ xung quanh các ô cửa, mà đôi khi toàn bộ mặt tiền được trang trí bằng điêu khắc phù điêu và tượng cột. Sáng tác nhiều nhất là tượng đứng và tượng bán thân.

Nét tiêu biểu nhất của những tác phẩm điêu khắc là vật liệu. Ngoài các kim loại quý như vàng, bạc và vật liệu được dùng nhiều nhất là đá như đá vôi, cẩm thạch.

Một số nhà điêu khắc tiêu biểu: Michelangelo, Donatello, ... Và tác phẩm tiêu biểu như: David, Pietà, Người nô lệ bị trói, nhóm tượng các nhà tiên tri ở trên Đài phun nước Moses...

Âm nhạc: Một trong những đặc điểm dễ nhận thấy nhất của nghệ thuật âm nhạc châu Âu thời Phục Hưng là sự gia tăng mức độ sử dụng quãng ba (ở Thời Trung Cổ, các quãng ba bị coi là quãng nghịch). Nhạc phức điệu ngày càng trở nên trau chuốt hơn trong suốt thế kỷ XIV, với các giọng mang tính độc lập cao.

Âm nhạc đầu thế kỷ XV cho thấy sự đơn giản hóa, với các giọng thường thiên về tính uyển chuyển. Các thể loại nhạc tôn giáo chủ yếu tồn tại qua suốt thời kỳ Phục Hưng là Mass và Motet, và một số thể loại khác được phát triển vào giai đoạn cuối.

Cùng với việc công nghệ in ấn được phát minh vào thời kỳ này đã giúp cho sự truyền bá âm nhạc được rộng rãi hơn đồng thời giúp việc lưu giữ các bản nhạc thời kỳ này cũng trở nên dễ dàng hơn so với âm nhạc thời kỳ Trung Cổ.

Các dòng nhạc sau này ngày càng được trau chuốt về giai điệu và trở nên phong phú hơn về mặt âm điệu. Âm nhạc ngày càng thoát ra khỏi những ràng buộc thời trung cổ về âm vực, nhịp điệu, hoà âm, hình thức và ký âm, đã trở thành một phương tiện để thể hiện cảm xúc cá nhân.

❖ Kỹ thuật

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

+ Phát minh in ấn, chế tạo ra giấy => bình dân hóa việc học, thúc đẩy văn hóa phát triển

+ Xây dựng thành công lò gang nấu quặng, không chỉ nấu được gang mà luyện được thép.

+ Cải tiến bánh xe nước cùng nhiều phát minh mới thúc đẩy ngành công nghiệp

+ Ngành giải phẫu có nhiều bước tiến mới đã đánh một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa duy tâm

❖ **Khoa học tự nhiên:**

Thành tựu của phong trào văn hóa Phục Hưng đem lại nhiều bước tiến vượt bậc với sự góp phần của nhiều nhà khoa học : Nhiều nhà khoa học đã dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm bảo thủ, góp phần thay đổi cách nhìn của con người thời bấy giờ về Trái Đất và vũ trụ như Cô-péc-ních, Brunô, Ga-li-lê.

❖ **Triết học:**

Nếu triết học Tây Âu trung đại bị chi phối bởi chủ nghĩa duy tâm, coi trọng lòng tin tôn giáo, đề cao vai trò của Thượng đế, coi thường lý trí khoa học, hạ thấp vai trò của con người và giới tự nhiên..., là công cụ tinh thần của Nhà thờ và nhà nước phong kiến thống trị con người; thì triết học Tây Âu thời Phục hưng đã bắt đầu *coi trọng lý trí, đề cao con người và giới tự nhiên* ; về cơ bản, nó là *ngọn cờ lý luận của các lực lượng xã hội tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống ý thức hệ phong kiến lỗi thời, nhằm thiết lập ý thức hệ mới – ý thức hệ tư sản*.

➤ **Nội dung tư tưởng:**

Phong trào văn hóa Phục Hưng là một phong trào văn hóa tư tưởng do giai cấp tư sản mới ở Tây Âu nhằm lên án chống lại Giáo hội Kitô, tấn công vào trật tự xã hội phong kiến, đề cao giá trị con người tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc.

Đây là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng nhằm chống lại giáo hội và giai cấp phong kiến lỗi thời. Phong trào tuy có tiếp thu và kế thừa một số yếu tố trong nền văn hóa Hy Lạp và La Mã cổ đại nhưng thực chất là một phong trào văn hóa hoàn toàn mới dựa trên nền tảng kinh tế xã hội mới và được chỉ đạo bởi một tư tưởng mới.

Tư tưởng chủ đạo của phong trào văn hóa Phục Hưng là “Chủ nghĩa nhân văn” – Chú trọng đến con người, cuộc sống hiện tại, mong muốn con người đều được sống vui vẻ và nó đối lập với quan niệm của giáo hội. Phong trào văn hóa Phục Hưng đã đạt được nhiều thành tựu lớn về mọi mặt

➤ **Ý nghĩa:**

Là bước tiến vượt bậc nền văn minh châu Âu nói riêng và nền văn minh nhân loại nói chung. Với những thành tựu mà nó đạt được đã đập tan rào cản về giai cấp, những tư tưởng giáo điều, cũ kỹ mở ra một chân trời mới cho sự phát triển của loài người.

Giải phóng tư tưởng, tình cảm con người khỏi mọi sự kìm hãm và trói buộc của giáo hội.

Các thành tựu văn học nghệ thuật bất hủ và những thành tựu khoa học lỗi lạc về nhiều mặt là chuẩn mực, là sự mở đầu cho đời sau noi theo.

Phong trào Văn hóa phục hưng đã đặt cơ sở và mở đường cho sự phát triển của văn hóa Tây Âu trong những thế kỷ tới.

H. PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ

*** 1. Tiền đề lịch sử, nguyên nhân, điều kiện của những phát kiến lớn về địa lý (cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI). Diễn tiến cơ bản của các phát kiến địa lý lớn và hệ quả của nó.**

❖ Tiền đề

- Giao lưu tiếp xúc văn hóa Đông Tây đã diễn ra thông qua sự cận kề về mặt địa lý, chiến tranh, trao đổi buôn bán, truyền bá tôn giáo...

- Vận chuyển hàng hóa Đông Tây thông qua con đường tơ lụa sa mạc và con đường tơ lụa trên biển đã hoạt động từ rất sớm.

- + Hàng hóa từ đông sang tây hay từ tây sang đông đều phải dừng ở Ả Rập - điểm trung gian và thương nhân Ả Rập sẽ buôn bán hàng hóa đó cho bên còn lại với giá cao đánh thuế cao và giới thương nhân Ả Rập đã ngầm ủng hộ cho việc cướp bóc hàng hóa.

=> Thúc đẩy việc tìm con đường buôn bán mới ngoài vùng cận Đông.

❖ Nguyên nhân

- Các tuyến đường thương mại trọng yếu với phương Đông bị bế tắc do:

- + Người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm lĩnh con đường qua Hắc Hải và vịnh Ba Tư.

- + Người Apganistan kiểm soát con đường xuyên qua đại lục Trung Á đến Trung Quốc.

- + Người Ả Rập độc chiếm trong buôn bán với Ấn Độ.

=> Tìm ra những con đường mới sang Phương Đông là cần thiết và cấp bách

- Nhu cầu tiêu dùng và phát triển của châu Âu gia tăng mạnh mẽ.

❖ Điều kiện

- Sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật ngành hàng hải.

- + Quan niệm trái đất hình tròn kết hợp với thuyết Nhật Tâm tạo niềm tin khoa học cho các thủy thủ tìm đến các vùng đất mới.

- + Thế kỷ 14-15 Vẽ được một số bản đồ địa Trung Hải châu Phi và thế giới tương đối chuẩn xác.

- + Kỹ thuật đóng tàu và kỹ thuật làm la bàn và máy đo góc thiên văn có những bước tiến dài.

- + Đội ngũ thủy thủ đặc biệt là thuyền trưởng và hoa tiêu được đào tạo bài bản tại các trường đại học thế tục.

- vật chất

- + Sự phát triển của chủ nghĩa chuyên chế châu Âu thế kỷ mười lăm đã tạo ra những điều kiện vật chất quan trọng cho việc thực hiện các cuộc thám hiểm.

- + Thám hiểm thành công sẽ đưa lại những khoản thu nhập lớn.

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

+ Giúp củng cố sự vững mạnh của nhà nước chuyên chế.

+ Các quốc gia tiên phong là Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

❖ **Diễn tiến cơ bản của các phát kiến địa lý lớn** (Có thể trình bày 1 số điểm cơ bản của 3 cuộc phát kiến)

- Cuộc hành trình của Vaxco dơ gama: ông đã đi vòng quanh châu Phi vượt qua Ấn Độ Dương cập bến Ấn Độ.

- Những chuyến thám hiểm của Crixtop Colombo đã phát hiện ra lục địa châu Mỹ nhưng ông nhầm tưởng đó là Ấn Độ - tây ÁĐ.

- Cuộc thám hiểm của Magienlan: đến châu Mỹ, vượt qua Thái Bình Dương để tới quần đảo của vùng Đông nam Á là Philippin.

❖ **Hệ quả:**

+ tìm ra một lục địa mới là Châu mỹ, một đại dương mới là Thái Bình dương
+) mở ra con đường biển tới các châu lục
+) sau những cuộc phát kiến, đã diễn ra những cuộc di chuyển cư dân trên quy mô lớn

+ tạo ra sự tiếp xúc giữa các nền văn minh của các châu lục

+ đẩy mạnh hoạt động thương mại khiến thành thị trở lên sầm uất

+ hình thành các tuyến thương mại: âu-mỹ-phi, á-âu- phi

+ việc mở rộng buôn bán, mở rộng thị trường thế giới góp phần thúc đẩy sx phát triển tạo tiền đề cho sự ra đời của CNTB

+ nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen và chế độ thực dân tàn bạo

I. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

* 1. **Nền tảng, diễn biến của Cách mạng công nghiệp và tác động của văn minh công nghiệp đối với nhân loại.**

❖ **Nền tảng của cuộc cách mạng khoa học hiện đại (CMKHKH HTĐ)**

- Cuộc Cách mạng KHKT lần thứ nhất: bắt đầu vào thập niên 60 của TK.XVIII: Dựa vào lý luận lực học của Isaac Newton. Đưa đến ứng dụng máy hơi nước, thúc đẩy các ngành công nghiệp dệt, Khai thác mỏ, Luyện kim, Chế tạo cơ khí ...

- Cuộc Cách mạng KHKT lần thứ hai: từ thập niên 70 của thế kỉ XIX: Dựa vào lý luận về điện từ của Michael Faraday và James Maxwell. Đưa đến ứng dụng điện lực và động cơ đốt trong trong các ngành: Vô tuyến điện, Xe hơi, máy bay...

❖ **Tiền đề của cuộc CMKHKH hiện đại**

➤ **Bốn phát hiện lớn, quan trọng về khoa học**

- Thuyết tương đối của Albert Einstein: Khác với Newton cho rằng thời gian và không gian là tuyệt đối, Einstein cho rằng Thời gian và không gian là tương đối. Đây là nền tảng lý luận của vật lý học hiện đại, lý luận này được ứng dụng vào Công nghiệp năng lượng nguyên tử

- Lực học lượng tử: Người đề xuất là M.K.E. Ludwig nhà vật lý học người Đức, đặt nền tảng lý luận cho kỹ thuật điện tử, bán dẫn và laser. Lực học về lượng tử + Thuyết tương đối hình thành vật lý học về hạt nhân nguyên tử: chế tạo bom nguyên tử, bom khinh khí, nhà máy điện nguyên tử...

- Phân tử sinh học: Nghiên cứu các vật chất của sinh vật như Protein, Enzyme và Axit nucleic để tìm hiểu bản chất của sự sống, đặt nền tảng cho những nghiên cứu về Gen, di truyền, phân tử sinh học...

- Khoa học hệ thống: Các ngành KH tự nhiên ngày càng chia nhỏ, phân nhánh nhưng đồng thời lại thâm nhập lẫn nhau, đan kết với nhau làm cho khoa học tự nhiên đi vào chỉnh thể hóa. KH Hệ thống nghiên cứu đặc tính khách quan của mọi thứ tồn tại khách quan từ mặt chỉnh thể của nó

➤ **Những phát minh về kỹ thuật**

- 1903, Chiếc máy bay đầu tiên được chế tạo và bay thử thành công.
- Máy gặt đập liên hợp
- Thủy phi cơ
- Tàu biển chạy bằng động cơ diesel
- Đầu máy xe lửa chạy bằng động cơ diesel...

❖ **Nguyên nhân hình thành**

- Dân số gia tăng
- Các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt nghiêm trọng
- Nhu cầu của con người ngày càng tăng và cao hơn

=> Phải nghiên cứu để tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, phải tạo ra nhiều máy móc, công cụ sản xuất mới cho năng suất cao.

- Nhu cầu phục vụ cho cuộc chiến tranh thế giới-II

Các nước đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nhằm sản xuất hàng loạt các loại vũ khí, khí tài phục vụ chiến tranh: Máy bay, xe tăng, tàu chiến, tàu ngầm, vũ khí nguyên tử và các loại vũ khí hiện đại có tính sát thương cao....

Các ngành khoa học như điều khiển học và năng lượng nguyên tử được sử dụng trước hết trong lĩnh vực quân sự

➤ **Thành tựu của cuộc CMKHKH hiện đại**

- Thành tựu trong lĩnh vực khoa học cơ bản: Toán học; Vật lý; Hóa học; Sinh học: thành tựu trong các ngành khoa học cơ bản được áp dụng rộng rãi trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, Y-Dược học,

- Chế tạo công cụ sản xuất hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu tự động hóa sản xuất:

Sự ra đời và quá trình cải tiến của máy tính điện tử

Sự ra đời và phát triển của máy tự động và hệ thống máy tự động, robot, kỹ thuật laser

Các công cụ sản xuất hiện đại có khả năng tính toán tự động, có tốc độ xử lý cao, tính chính xác cao, có năng lực điều hành quản lý được áp dụng rộng rãi trong tất cả các ngành quốc phòng, sx CN, NN...

Nguyễn Vũ Thu Trang (K65 QTVP) - Nguyễn Thị Kim Oanh (K65 LTH) - USSH

- Khai thác các nguồn năng lượng mới

Năng lượng điện - điện khí hóa là điều kiện quan trọng để phát triển các máy móc tự động.

Nhiệt điện – từ năng lượng hóa học của nhiên liệu than, dầu mỏ, khí đốt; Thủy điện, điện nguyên tử, năng lượng mặt trời, thủy triều, gió

- Sáng chế vật liệu mới: Các loại vật liệu mới bao gồm vật liệu vô cơ, vật liệu hữu cơ, các loại hợp kim, vật liệu dùng trong công nghiệp điện tử ... với nhiều tính năng đặc biệt: Vật liệu Composite; Gốm kỹ thuật; Silic; Vật liệu siêu dẫn; Sợi quang (hệ thống cáp quang kết nối các mạng điện thoại, truyền hình và máy tính trên toàn thế giới)

- Phát triển Khoa học vũ trụ và hải dương: Năm 1957, LX mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ bằng việc phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên lên quỹ đạo không gian. Sau đó, các nước lần lượt thực hiện công cuộc chinh phục này: Mỹ, Pháp, Australia, NB, TQ, ... Các nước tiến hành thám hiểm Mặt trăng và thăm dò nhiều hành tinh trong hệ Mặt Trời. Khoa học về hải dương cũng đạt nhiều thành tựu.

- Cuộc “Cách mạng xanh”: Là cuộc CM KHKT trong lĩnh vực nông nghiệp - ban đầu nhằm giải quyết nạn thiếu hụt lương thực thực phẩm ở nhiều nước; Sau đó tiến đến nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp bằng việc áp dụng các biện pháp cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa... Từ thập niên 1970, công nghệ sinh học có bước phát triển nhảy vọt, đã có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cuộc Cách mạng xanh

❖ **Đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại (CMKHKT HĐ)**

- Cuộc Cách mạng KHKT hiện đại có nội dung rộng lớn và phát triển toàn diện, nhanh chóng.

Các cuộc CM trước: sự đột phá về lực học và điện từ học xuất hiện dưới dạng đơn lẻ rồi mới phát triển mở rộng sang các lĩnh vực khác

Cuộc CMKHKT hiện đại xuất hiện theo quần thể và trong tất cả các lĩnh vực khoa học và kỹ thuật đều xảy ra sự thay đổi sâu sắc, phát triển nhanh chóng chưa từng có, đưa đến sự ra đời của hàng loạt những ngành khoa học kỹ thuật mới.

Cuộc CMKHKT HĐ tác động sâu sắc đến mọi phương diện: Kinh tế, Chính trị, Xã hội trong nước và quốc tế.

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp: Các cuộc CM trước: vai trò của KH đối với SX chỉ là gián tiếp, cải tiến kỹ thuật đi trước KH. Trong cuộc CMKHKT HĐ, mọi lĩnh vực sản xuất của xã hội đều dựa trên những thành tựu về khoa học. Khoa học trở thành nguồn gốc của những tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ, làm thay đổi cơ bản kỹ thuật và công nghệ, đưa năng suất lao động lên mức cao nhất. SX càng phức tạp, hiện đại càng đòi hỏi nghiên cứu khoa học.

- Khoa học vừa có sự phân hóa cao độ nhưng đồng thời lại có sự liên hệ mật thiết, thâm nhập vào nhau và ngày càng hướng đến sự chỉnh thể hóa.

- Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào thực tế sản xuất ngày càng được rút ngắn: Máy hơi nước - 80 năm; Động cơ điện - 65 năm; Điện thoại - 50 năm; Phi cơ - 20 năm; Bom nguyên tử - 6 năm; Máy truyền hình - 5 năm; Bóng đèn bán dẫn - 3 năm; Tia laser - 1 năm...

❖ **Tác động của cuộc CMKHKT HĐ**

- Về Kinh tế:

Cuộc CMKHKTHĐ đã làm cho lực lượng sản xuất có sự phát triển nhảy vọt chưa từng thấy, sản xuất phát triển nhanh cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo ra nguồn của cải vật chất dồi dào, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

Cuộc CMKHKTHĐ làm thay đổi phương thức sinh hoạt và tiêu dùng trong đời sống xã hội.

Cuộc CMKHKTHĐ làm thay đổi vị trí, cơ cấu các ngành kinh tế và các vùng kinh tế.

- Về Xã hội

Cuộc CMKHKTHĐ làm thay đổi cơ cấu dân cư theo hướng: dân số lao động trong lĩnh vực CN và NN giảm đi (do nền SX được tự động hóa); dân số lao động trong các ngành dịch vụ tăng lên

Theo ước tính trong thế kỷ XXI, dân số khu vực dịch vụ ở các nước TB có thể tăng lên 70-80%, dân số trong khu vực sản xuất sẽ giảm đi tương ứng.

- Cuộc CMKHKTHĐ đưa loài người sang một nền Văn minh mới – Văn minh trí tuệ - sau thời kỳ văn minh nông nghiệp và văn minh công nghiệp

Trong nền VM này, con người đóng vai trò trung tâm với trí tuệ và tri thức.

Do đó, giáo dục-đào tạo đặc biệt được đề cao và coi đó là quốc sách hàng đầu.